

MỞ ĐẦU

1- Lý do chọn đề tài

Hiện nay, trên thế giới du lịch phát triển rất mạnh mẽ và trở thành một trong những ngành kinh tế năng động bậc nhất đem lại nguồn lợi đáng kể và đóng góp ngày càng lớn lao vào sự phát triển của nền kinh tế toàn cầu.

Ở Việt Nam, Đảng và Nhà nước đã xác định Du lịch là một trong những ngành kinh tế mũi nhọn trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2005 - 2010 và định hướng đến năm 2020.

Hải Phòng là một trong 10 trung tâm du lịch lớn của cả nước, là đô thị loại I cấp quốc gia, là một cực quan trọng trong Tam giác động lực tăng trưởng kinh tế phía Bắc. Vị trí địa lý đặc biệt, thiên nhiên tươi đẹp, lịch sử hào hùng, nền văn hoá lâu đời và đa dạng đã tạo nên những tiềm năng và ưu thế rất lớn cho Hải Phòng phát triển du lịch. Đất, trời và biển cả của thành phố với những địa danh nổi tiếng như Cát Bà, Đồ Sơn, Bạch Đằng, Tràng Kênh, Việt Khê... có sức hấp dẫn rất lớn đối với du khách.

Được sự quan tâm của Đảng và Nhà nước, được sự hỗ trợ của Tổng cục Du lịch Việt Nam và các ngành các cấp có liên quan, cùng với sự cố gắng liên tục của các cấp chính quyền và nhân dân thành phố, hoạt động du lịch ở Hải Phòng trong những năm gần đây đã có những tiến bộ đáng kể và đạt được những thành tựu quan trọng, đóng góp tích cực vào sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân. Tuy nhiên, việc phát triển du lịch của Hải Phòng trong những năm qua chưa được cân đối. Phần lớn thiên về khai thác điều kiện tự nhiên và nghỉ dưỡng biển. Cả một khối đồ sộ tài nguyên du lịch nhân văn quý báu chưa thực sự được quan tâm đưa vào khai thác hiệu quả. Vì vậy, các sản phẩm du lịch ở đây còn đơn điệu, hoạt động du lịch còn phụ thuộc nhiều vào tính mùa vụ, chưa đủ khả năng kéo dài ngày lưu trú của khách.

Thủy Nguyên là một huyện đồng bằng ven biển, nằm ở phía bắc thành phố Hải Phòng, nơi có khí hậu trong lành mát mẻ, cảnh quan thiên nhiên đặc sắc, địa hình núi non sông ngòi hoà quyện, sơn thủy hữu tình, đồng thời là một huyện giàu tài nguyên du lịch nhân văn nhất trong các đơn vị cấp quận, huyện của thành phố. Chiến lược phát triển du lịch của Hải Phòng đến năm 2020 đã xác định mục tiêu xây dựng Thủy Nguyên trở thành một trong 3 cụm du lịch lớn nhất của thành phố, đóng vai trò quan trọng trong việc đa dạng hoá các sản phẩm du lịch Hải Phòng.

Trước thực tế trên, với mong muốn đóng góp một phần nhỏ bé của mình vào sự phát triển của du lịch văn hóa ở Hải Phòng nói chung và huyện Thủy Nguyên nói riêng, tôi đã lựa chọn Đề tài : **“Nghiên cứu phát triển du lịch văn hóa ở huyện Thủy Nguyên, Hải Phòng”** cho Khóa luận tốt nghiệp của mình.

2- Mục đích nghiên cứu

Mục đích chính của Đề tài là tìm hiểu tiềm năng du lịch nhân văn ở huyện Thủy Nguyên; qua phân tích, đánh giá sẽ đưa ra các định hướng chung và giải pháp đẩy mạnh sự phát triển du lịch văn hoá ở huyện Thủy Nguyên, góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế địa phương và nâng cao đời sống nhân dân.

3- Nhiệm vụ của đề tài

Để thực hiện mục đích trên, Đề tài tập trung giải quyết những nhiệm vụ cơ bản sau:

- Tổng quan những vấn đề lý luận về tài nguyên du lịch nhân văn và xu hướng phát triển du lịch hiện nay.
- Tìm hiểu về tài nguyên du lịch nhân văn, tình hình hoạt động du lịch và du lịch văn hoá ở huyện Thủy Nguyên trong thời gian qua.
- Đưa ra những giải pháp thích hợp nhằm đẩy mạnh sự phát triển du lịch văn hoá ở huyện Thủy Nguyên trong thời gian tới.

4- Phạm vi nghiên cứu

Giới hạn không gian nghiên cứu bao gồm toàn bộ lãnh thổ 2 thị trấn và 35 xã thuộc huyện Thủy Nguyên.

5- Phương pháp nghiên cứu

5.1- Phương pháp nghiên cứu thực địa

Phương pháp này rất quan trọng để tích lũy tài liệu thực tế. Thông tin về các đối tượng nghiên cứu được thu thập từ nhiều nguồn tư liệu khác nhau trong quá trình điền dã được phân loại, so sánh, chọn lọc và tập hợp thành những dữ liệu có tính hệ thống và độ chính xác cao.

5.2- Phương pháp thống kê, phân tích tổng hợp - so sánh

Đây là phương pháp chính được sử dụng để xử lý dữ liệu sau khi thu thập các tài liệu, số liệu từ nhiều nguồn khác nhau và thực tế.

5.3- Phương pháp bản đồ

Trong Khóa luận có sử dụng một số bản đồ chức năng để nghiên cứu bao gồm: Bản đồ hành chính Hải Phòng; Bản đồ phân bố di tích lịch sử văn hóa Hải Phòng; Bản đồ tài nguyên du lịch nhân văn Hải Phòng; Bản đồ tổ chức không gian và tuyến điểm du lịch Hải Phòng v.v...

6- Bố cục của khóa luận

Ngoài các phần Mở đầu, Kết luận, Tài liệu tham khảo và Phụ lục, nội dung chính của Khóa luận gồm 4 chương:

Chương 1 : *Một số vấn đề lý luận chung về tài nguyên du lịch nhân văn và xu hướng phát triển du lịch hiện nay.*

Chương 2 : *Tiềm năng phát triển du lịch nhân văn ở huyện Thủy Nguyên.*

Chương 3: *Tình hình phát triển du lịch và du lịch văn hoá ở huyện Thủy Nguyên.*

Chương 4 : *Một số giải pháp nhằm đẩy mạnh sự phát triển du lịch văn hoá ở huyện Thủy Nguyên trong thời gian tới.*

CHƯƠNG I

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ TÀI NGUYÊN DU LỊCH NHÂN VĂN VÀ XU HƯỚNG PHÁT TRIỂN DU LỊCH HIỆN NAY

1.1- TÀI NGUYÊN DU LỊCH

1.1.1- Khái niệm về tài nguyên du lịch

Có rất nhiều định nghĩa khác nhau về tài nguyên du lịch:

Theo Luật Du lịch Việt Nam [3]: Tài nguyên du lịch là cảnh quan thiên nhiên, yếu tố tự nhiên, di tích lịch sử văn hóa, công trình lao động sáng tạo của con người và giá trị nhân văn khác có thể sử dụng nhằm đáp ứng nhu cầu du lịch, là yếu tố cơ bản để hình thành khu du lịch, điểm du lịch, tuyến du lịch, đô thị du lịch.

Theo PTS. Nguyễn Minh Tuệ [7]: Tài nguyên du lịch là tổng thể tự nhiên và văn hóa lịch sử cùng các thành phần của chúng góp phần khôi phục thể lực và trí lực của con người, khả năng lao động và sức khỏe của họ, những tài nguyên này được sử dụng cho nhu cầu trực tiếp và gián tiếp, cho việc sản xuất dịch vụ du lịch.

Các khái niệm trên về tài nguyên du lịch tuy khác nhau về từ ngữ, song đều mang nội dung giống nhau đó là: các khái niệm đều cho rằng tài nguyên du lịch là tiền đề quan trọng để phát triển du lịch. Vậy tài nguyên du lịch là những thành tạo tự nhiên, những tính chất của tự nhiên, truyền thống văn hóa các yếu tố văn hóa, văn nghệ dân gian cùng các công trình kiến trúc do con người sáng tạo ra có thể sử dụng vào mục đích du lịch.

1.1.2- Đặc điểm của tài nguyên du lịch

- Tài nguyên du lịch là loại tài nguyên đặc biệt có thể tái tạo được nếu biết cách sử dụng hợp lý.
- Tài nguyên du lịch có tính phong phú được sử dụng vào nhiều mục đích khác nhau.
- Tài nguyên du lịch là thành phần cơ bản để tạo nên sản phẩm du lịch.

- Tài nguyên du lịch thường gắn chặt với vị trí địa lý.
- Tài nguyên du lịch có tính mùa vụ rõ rệt.
- Tài nguyên du lịch thường dễ khai thác và ít tốn kém.
- Việc khai thác và sử dụng tài nguyên du lịch phụ thuộc vào yếu tố chủ quan.

1.2- TÀI NGUYÊN DU LỊCH NHÂN VĂN

1.2.1- Khái niệm về tài nguyên du lịch nhân văn

Theo Điều 13 Luật Du lịch Việt Nam [3] thì: Tài nguyên du lịch nhân văn gồm truyền thống văn hóa, các yếu tố văn hóa, văn nghệ dân gian, di tích lịch sử cách mạng, khảo cổ, kiến trúc, các công trình lao động sáng tạo của con người và các di sản văn hóa vật thể, phi vật thể khác có thể được sử dụng phục vụ mục đích du lịch.

Trong các tài nguyên du lịch nhân văn thì các di sản văn hóa có giá trị đặc biệt. Nhìn chung các di sản văn hóa được chia làm: Di sản văn hóa vật thể và di sản văn hóa phi vật thể.

Theo Luật Di sản Văn hóa thì di sản văn hóa phi vật thể là sản phẩm tinh thần có giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học được lưu giữ bằng trí nhớ, chữ viết, được lưu truyền bằng truyền miệng, truyền nghề, trình diễn và các hình thức lưu truyền khác bao gồm: Tiếng nói, chữ viết, các tác phẩm văn học, nghệ thuật, khoa học ngữ văn truyền miệng, diễn xướng dân gian lối sống, nếp sống, lễ hội, bí quyết về nghề thủ công truyền thống, tri thức về y học cổ truyền, về văn hóa ẩm thực, về trang phục truyền thống của dân tộc và những tri thức dân gian khác.

Tóm lại văn hóa phi vật thể được hiểu là những giá trị văn hóa hiện hành được lưu truyền từ quá khứ nhưng không có những đồ vật tượng trưng có thể “ sờ” ,”nắm” được. Ví dụ ở Việt Nam văn hóa phi vật thể là những bài hát dân ca, những lễ hội...

Còn di sản văn hóa vật thể là sản phẩm vật chất có giá trị lịch sử văn hóa khoa học bao gồm các di tích lịch sử văn hóa, danh lam thắng cảnh, di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia...

1.2.2- Đặc điểm của tài nguyên du lịch nhân văn

Tài nguyên du lịch nhân văn mang tính phổ biến: Việt Nam có 54 dân tộc, mỗi dân tộc có những nét văn hóa đặc sắc riêng, tuy nhiên vẫn mang một số đặc điểm chung. Vì vậy tài nguyên du lịch nhân văn là thuộc tính của tất cả các dân tộc, các quốc gia.

Tài nguyên du lịch nhân văn có tính truyền đạt nhiều hơn nhận thức. Tài nguyên du lịch nhân văn là những sản phẩm mang tính văn hóa, khi du khách đến tham quan nó chủ yếu tìm hiểu lịch sử, giá trị văn hóa của dân tộc. Tài nguyên du lịch nhân văn mang tính tập trung dễ tiếp cận bởi tài nguyên du lịch nhân văn là sản phẩm do con người tạo ra thường nằm tập trung tại các điểm dân cư...

Thường thì tài nguyên du lịch có tính mùa vụ nhưng tài nguyên du lịch nhân văn không chịu tác động của mùa vụ.

1.2.3- Phân loại tài nguyên du lịch nhân văn

1.2.3.1- Tài nguyên du lịch nhân văn vật thể

1.2.3.1.1- Di sản văn hóa thế giới

Theo Luật Di sản thế giới thì các Di sản văn hóa thế giới vật thể được xác định theo 6 tiêu chuẩn sau:

- Là tác phẩm độc nhất vô nhị, tác phẩm hàng đầu của con người.
- Có ảnh hưởng quan trọng đến sự phát triển của nghệ thuật kiến trúc, nghệ thuật cấu tạo không gian trong một thời kỳ nhất định, một khung cảnh văn hóa nhất định.
- Là chứng cứ xác thực cho một nền văn minh đã biến mất.
- Cung cấp một ví dụ hùng hồn về thể loại xây dựng hoặc kiến trúc, phản ánh một giai đoạn lịch sử có ý nghĩa.
- Cung cấp một ví dụ hùng hồn về một dạng nhà ở truyền thống, nói lên được một nền văn hóa đang có nguy cơ bị hủy hoại trước những biến động không cưỡng lại được.

- Có mối quan hệ trực tiếp trước những sự kiện tín ngưỡng đáp ứng những tiêu chuẩn xác thực về ý tưởng trong sáng tạo, về vật liệu về cách tạo lập cũng như về vị trí.

Di sản văn hoá được coi là những kết tinh của những sáng tạo văn hóa của một dân tộc. Các di sản văn hóa khi được công nhận là di sản văn hóa thế giới của quốc gia thì sẽ trở thành tài nguyên nhân văn vô giá, có sức hấp dẫn khách du lịch, đặc biệt là khách du lịch quốc tế. Hiện nay Việt Nam có một số di sản văn hóa vật thể được UNESCO công nhận là Di sản Văn hóa thế giới, điển hình là: Cố đô Huế, Thánh địa Mỹ Sơn, Phố cổ Hội An.

1.2.3.1.2- Các di tích lịch sử văn hóa

☼ Định nghĩa:

Di tích lịch sử văn hóa là những không gian vật chất cụ thể, khách quan, trong đó chứa đựng các giá trị điển hình lịch sử, do tập thể hoặc cá nhân con người hoạt động sáng tạo ra trong lịch sử để lại.

☼ Phân loại

Di tích lịch sử văn hóa, danh lam thắng cảnh ở mỗi dân tộc, mỗi quốc gia được phân chia thành:

Loại hình di tích văn hóa khảo cổ: là những địa điểm ẩn giấu một bộ phận giá trị văn hóa thuộc về thời kỳ lịch sử xã hội loài người chưa có văn tự và thời gian nào đó trong lịch sử cổ đại. Đa số các di tích lịch sử văn hóa đều nằm trong lòng đất.

Loại hình di tích lịch sử bao gồm: di tích ghi dấu về dân tộc học, di tích ghi dấu về sự kiện chính trị quan trọng tiêu biểu, di tích ghi dấu chiến công chống xâm lược, di tích ghi dấu những kỷ niệm, di tích ghi dấu sự vinh quang trong lao động, di tích ghi dấu tội ác của đế quốc và phong kiến.

Loại hình di tích văn hóa nghệ thuật: là các di tích gắn với các công trình kiến trúc có giá trị nên gọi là di tích kiến trúc nghệ thuật.

Các danh lam thắng cảnh: cùng với các di tích lịch sử văn hóa không nhiều thì ít còn có những giá trị văn hóa do thiên nhiên ban cho đó là các danh

lam trắng cảnh, ở nước ta danh lam thắng cảnh có ý nghĩa là nơi cảnh đẹp, có chùa nổi tiếng thờ Phật, có vẻ đẹp thiên nhiên bao la hùng vĩ thoáng đãng, có giá trị nhân văn do khối óc của con người dựng lên. Các danh lam thắng cảnh thường chứa đựng trong đó giá trị của nhiều loại di tích lịch sử văn hóa và vì vậy nó có giá trị quan trọng đối với hoạt động du lịch.

Các tài nguyên du lịch nhân văn vật thể khác:

Những công trình đương đại nhiều khi cũng tạo ra sức hấp dẫn lớn đối với du khách. Các công trình này bao gồm : các tòa nhà, hệ thống cầu cống, đường xá, các viện nghiên cứu, nhà máy, công trình kiến trúc lớn có giá trị kiến trúc nghệ thuật : cầu sông Hàn (Đà Nẵng), cầu Bãi Cháy (Quảng Ninh), nhà máy thủy điện Hòa Bình, những kiểu nhà của đồng bào dân tộc ít người... thư viện, bảo tàng, nhà lưu niệm, rạp hát, công viên, khu vui chơi giải trí, các sản phẩm lao động đặc trưng, các món ăn truyền thống cũng có thể được coi là các tài nguyên nhân văn hữu hình. Như đã biết 1 trong 7 kỳ quan lớn nhất của thế giới có thư viện đầu tiên của loài người, thư viện được coi là nơi lưu giữ tri thức của con người qua từng thời kỳ lịch sử. Trong số các sở trên thì bảo tàng có một vị trí đặc biệt, qua bảo tàng du khách có thể hiểu biết khá đầy đủ về đối tượng tham quan trong một thời gian hạn chế, sẽ rất tốt nếu trước khi tham quan các tour chuyên đề du khách được giới thiệu đầy đủ về nội dung chính tại bảo tàng sẽ giúp ích rất nhiều và làm cho chuyến tham quan trở lên thú vị đầy hấp dẫn.

Các mặt hàng thủ công mỹ nghệ truyền thống ,các món ăn dân gian hay đặc sản cũng có sức hấp dẫn đối với du khách. Khi du khách quốc tế đến Việt Nam không thể không thưởng thức các món ăn nổi tiếng của các vùng miền như : nhắc đến Hà Nội là món phở, Hải Phòng là bánh đa cua, Huế nổi tiếng với chè Huế, với cơm hến, tôm chua...

Ngoài ra du khách còn được biết đến những sản phẩm thủ công truyền thống như lụa Vạn Phúc, tranh dân gian Đông Hồ, gốm Bát Tràng...khi đến với Việt Nam.

1.2.3.2- Tài nguyên du lịch nhân văn phi vật thể

1.2.3.2.1- Lễ hội

☼ Quan niệm

Lễ hội là loại hình sinh hoạt văn hóa tổng hợp hết sức đa dạng và phong phú, là một kiểu sinh hoạt tập thể của nhân dân sau thời gian lao động mệt mỏi, hoặc là dịp để con người hướng về một sự kiện lịch sử trọng đại: ngưỡng mộ tổ tiên, ôn lại truyền thống hoặc là để giải quyết những lo âu, những khao khát, ước mơ mà cuộc sống thực tại chưa giải quyết được.

☼ Nội dung lễ hội

Lễ hội thường có 2 phần : phần lễ và phần hội

Phần nghi lễ: Các lễ hội dù lớn hay nhỏ đều có phần nghi lễ với những nghi thức nghiêm túc, trọng thể mở đầu ngày hội theo thời gian và không gian. Phần nghi lễ mở đầu ngày hội bao giờ cũng mang tính tưởng niệm lịch sử, hướng về một sự kiện lịch sử trọng đại, một vị anh hùng dân tộc lỗi lạc có ảnh hưởng lớn đến sự phát triển của xã hội. Nghi thức tế lễ nhằm bày tỏ sự tôn kính với các bậc thánh hiền và thần linh, cầu mong bình an, mưa thuận gió hòa, cầu tài cầu lộc...

Phần nghi lễ thường diễn ra theo trật tự sau: Lễ rước nước; Lễ mộc dục; Lễ tế gia tiên; Đám rước; Tế đại lễ; Túc trực; Hèm.

Phần hội: Trong phần hội thường diễn ra những hoạt động biểu tượng điển hình của tâm lý cộng đồng văn hóa dân tộc, chứa đựng những quan niệm của dân tộc đó với thực tế lịch sử xã hội và thiên nhiên. Ngoài ra còn có những trò vui, thi nghệ, thi hát, tượng trưng cho sự nhớ ơn và ghi công của người xưa. Tất cả những gì tiêu biểu cho một vùng đất, một làng xã được mang ra phô diễn mang lại niềm vui cho mọi người.

1.2.3.2.2- Nghề và làng nghề thủ công truyền thống

☼ Quá trình hình thành và phát triển làng nghề ở nước ta:

Làng nghề thủ công ở Việt Nam xuất hiện từ rất sớm. Theo GS.Hà Văn Tấn trong cuốn văn hóa Đông Sơn ở Việt Nam thì trước thời kỳ đầu công

nguyên đã có dấu hiệu xuất hiện các làng nghề ở Việt Nam do nhu cầu trao đổi sản phẩm rộng rãi đã tạo sự phân công lao động đa dạng cùng với sự phát triển của các khu dân công làng xóm tập trung dọc theo các lưu vực sông Hồng, sông Mã ... Trải qua các triều đại phong kiến các làng nghề vẫn phát triển phục vụ cho đời sống sinh hoạt cư dân, đặc biệt tại các khu vực tập trung đông dân cư các làng nghề phát triển mạnh mẽ. Đến nay, một số làng nghề truyền thống đã mai một. Trong những năm gần đây, do chính sách Đổi Mới của Đảng và Nhà nước thì nhiều làng nghề đã được khôi phục và phát triển.

☼ Vai trò của làng nghề đối với quá trình phát triển kinh tế xã hội địa phương:

Làng nghề có vai trò to lớn đối với quá trình phát triển kinh tế xã hội của địa phương, cụ thể là:

- Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn theo định hướng công nghiệp hóa hiện đại hóa, góp phần xây dựng nông thôn mới phát triển bền vững.

- Giải quyết việc làm (chủ yếu cho lao động nông thôn), ngoài ra còn tận dụng triệt để nguồn lao động phụ, tận dụng thời gian nhàn rỗi để tham gia sản xuất làng nghề, hạn chế tệ nạn xã hội.

- Tạo thu nhập cho người lao động chuyển dịch cơ cấu kinh tế xã hội nông thôn theo hướng tăng hộ giàu, giảm hộ nghèo.

- Tác động đến xã hội: tỷ lệ lao động trong các làng nghề ra thành phố tìm việc làm thấp hơn hẳn so với các địa phương khác, tận dụng được nguồn vốn nhàn rỗi của nhân dân.

- Bảo tồn các giá trị văn hóa dân tộc trong quá trình hội nhập quốc tế.

1.3- XU HƯỚNG PHÁT TRIỂN DU LỊCH HIỆN NAY

1.3.1- Khái niệm du lịch

Theo Luật Du lịch của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam [3] thì “ Du lịch là hoạt động có liên quan đến chuyến đi của con người ngoài nơi cư trú thường xuyên của mình nhằm đáp ứng nhu cầu tham quan, tìm hiểu, giải trí, nghỉ dưỡng trong một khoảng thời gian nhất định”.

Còn theo Từ điển Bách khoa Toàn thư Việt Nam, du lịch được hiểu theo hai nghĩa như sau:

Nghĩa thứ nhất: Du lịch là một dạng nghỉ dưỡng sức, tham quan tích cực của con người ngoài nơi cư trú với mục đích: nghỉ ngơi, giải trí, xem danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử, công trình kiến trúc nghệ thuật...

Nghĩa thứ hai : Du lịch là một ngành kinh tế tổng hợp có hiệu quả cao về nhiều mặt: nâng cao hiểu biết về thiên nhiên, truyền thống và văn hóa dân tộc, từ đó góp phần làm tăng thêm tình yêu nước, đối với người nước ngoài là tình hữu nghị với dân tộc mình, về mặt kinh tế du lịch là lĩnh vực kinh doanh đem lại hiệu quả rất lớn có thể coi là hình thức xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ tại chỗ.

Các định nghĩa trên đều nêu ra bản chất của du lịch là:

+Là các hoạt động của con người rời khỏi nơi cư trú thường xuyên của mình.

+Đáp ứng nhu cầu nghỉ ngơi giải trí tham quan, tìm hiểu các danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử...

+Không mang mục đích kinh tế.

Vậy du lịch là hoạt động có liên quan đến việc đi lại của con người ngoài nơi cư trú thường xuyên của mình nhằm đáp ứng nhu cầu tham quan tìm hiểu, giải trí, nghỉ dưỡng trong một khoảng thời gian nhất định và không mang mục đích kinh tế.

1.3.2- Mối quan hệ của du lịch với các lĩnh vực khác

1.3.2.1- Mối quan hệ giữa du lịch và xã hội

Nhận thức của xã hội về hiện tượng du lịch có ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động du lịch. Tại một số nước trên thế giới, số lần đi du lịch là một trong những chỉ tiêu cơ bản để đánh giá mức sống của người dân. Việc đi du lịch không chỉ có ý nghĩa là thỏa mãn mục đích, nhu cầu được đặt ra cho chuyến đi mà còn phần nào thỏa mãn nhu cầu thể hiện mình trong xã hội của con người. Trái lại ở một số quốc gia trên thế giới, do không muốn chấp nhận sự

thâm nhập của lối sống khác vào cộng đồng, du lịch không được khuyến khích phát triển. Như tại Nhật Bản du lịch không được coi là chính sách phát triển hàng đầu của đất nước. Hai cách nhìn nhận khác nhau trên đã ảnh hưởng rất lớn đến sự phát triển của du lịch.

Đối với xã hội, du lịch có vai trò giữ gìn, phục hồi sức khỏe và tăng cường sức sống của người dân. Theo nghiên cứu về y sinh học của Crucsev Dorn (1981) du lịch đã giúp người dân giảm 30% bệnh tật. Bên cạnh đó du lịch làm cho cuộc sống cộng đồng trở lên sôi nổi hơn, các nền văn hóa có điều kiện giao lưu với nhau, làm cho đời sống tinh thần con người thêm phong phú.

Những chuyến đi du lịch tham quan tại các di tích lịch sử, các công trình văn hóa... có tác dụng: Giáo dục tinh thần yêu nước, khơi dậy niềm tự hào dân tộc; góp phần vào việc phục hồi và phát triển truyền thống văn hóa dân tộc; Phát triển du lịch đối với các nước đang phát triển và phát triển được coi là lối thoát để giảm bớt tỷ lệ thất nghiệp, nâng cao mức sống của người dân, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế .

Bên cạnh những mặt tích cực thì du lịch cũng có những tác động tiêu cực đến xã hội: khi du lịch phát triển sẽ có thể làm gia tăng các tệ nạn xã hội như nghiện hút, trộm cắp, mại dâm hay du nhập những nét văn hóa không lành mạnh...

Do sự khác nhau trong cách nhìn nhận về đạo đức phong tục tập quán tín ngưỡng... dẫn đến mâu thuẫn giữa khách du lịch và dân cư địa phương nơi khách đến. Ngoài ra còn xảy ra bất hòa giữa cư dân địa phương và nhà cung ứng du lịch.

1.3.2.2- Mối quan hệ giữa du lịch và văn hóa

Vai trò của văn hóa đối với sự phát triển của du lịch: Văn hóa là nguồn lực nhân văn quan trọng, có vai trò đặc biệt đối với sự phát triển du lịch và là nguyên nhân nội sinh để du lịch phát triển phong phú về loại hình, đa dạng về chủng loại đồng thời tạo ra được những sản phẩm du lịch có tính đặc thù, cụ thể là :

Văn hóa là động cơ, là mục đích của chuyến đi, là mục tiêu khám phá của con người. Đặc biệt trong xu thế hội nhập hiện nay khi nhu cầu của con người muốn tìm hiểu khám phá về nền văn minh nhân loại ngày càng tăng thì vai trò của văn hóa ngày càng được thể hiện đậm nét.

Môi trường thiên nhiên, môi trường văn hóa và nhân văn có vai trò đặc biệt đối với phát triển du lịch, là yếu tố cơ bản để tạo nên sự phong phú về loại hình sản phẩm du lịch. Sản phẩm du lịch bao giờ cũng là tập hợp của nhiều yếu tố, trong đó văn hóa đóng vai trò hết sức quan trọng bởi nó làm thỏa mãn được nhu cầu thỏa mãn của khách.

Văn hóa dân tộc là tài sản vô giá, là cốt lõi của bản sắc dân tộc, là cơ sở để tạo ra những giá trị mới và giao lưu văn hóa. Đối với sản phẩm du lịch, văn hóa tuy không phải là thành tố duy nhất song việc sử dụng bản sắc văn hóa vào từng sản phẩm hoàn toàn không thể pha trộn được.

Vai trò của du lịch đối với văn hóa: Du lịch là tác nhân quan trọng để thúc đẩy văn hóa phát triển, giao lưu, hội nhập giữa các nền văn minh của nhân loại. Việc khai thác các giá trị văn hóa phục vụ cho nhu cầu phát triển du lịch có tác động gián tiếp đến việc giữ gìn, bảo tồn, kế thừa và phát huy mạnh mẽ tính đa dạng bản sắc độc đáo của các dân tộc anh em, giữa các dân tộc các quốc gia trên thế giới.

Tuy vậy, việc khai thác các giá trị văn hóa phục vụ cho nhu cầu phát triển du lịch sẽ trở thành mối nguy hại cho việc bảo vệ các di tích khi các di tích này có số lượng tham gia quá tải. Mặt khác, trong việc giao lưu và hội nhập văn hóa của du khách, làm thay đổi từ lối sống truyền thống của dân cư bản địa sang lối sống hiện đại được du nhập thông qua du lịch đến từ nhiều nước trên thế giới.

1.3.2.3- Mối quan hệ giữa du lịch và môi trường

- Vai trò của môi trường đối với sự phát triển du lịch:

Theo Projnik trong cuốn Nhập môn khoa học du lịch [5]: Du lịch là một ngành có định hướng tài nguyên rõ rệt - nghĩa là tài nguyên và môi trường là

nhân tố cơ bản để tạo ra sản phẩm du lịch. Du khách ở các đô thị, khu công nghiệp có nhu cầu đến các địa phương có môi trường trong lành hơn như các vùng biển, vùng núi hay nông thôn. Hiện nay đại đa số các tỉnh có hoạt động du lịch sôi động là những tỉnh có môi trường tự nhiên đa dạng, độc đáo.

- Vai trò của du lịch đối với môi trường:

Việc tiếp xúc với môi trường trong lành, tươi mát và nên thơ ở các cảnh quan tự nhiên có ý nghĩa rất to lớn đối với du khách, nó tạo điều kiện cho họ hiểu hiểu sâu sắc về tự nhiên. Điều này có ý nghĩa thực tiễn phong phú, góp phần vào sự nghiệp giáo dục môi trường. Nhu cầu du lịch nghỉ ngơi tại những nơi có nhiều cảnh quan thiên nhiên đã kích thích việc tôn tạo bảo vệ môi trường. Mặt khác, việc đẩy mạnh hoạt động du lịch làm tăng mức tập trung người vào vùng du lịch. Việc đòi hỏi phải tối ưu hóa quá trình sử dụng tự nhiên. Đồng thời sử dụng một phần doanh thu từ du lịch vào việc tôn tạo và bảo vệ môi trường.

1.3.2.4- Mối quan hệ giữa du lịch và kinh tế

- Ảnh hưởng của kinh tế đến ngành du lịch:

Nền kinh tế có tác động trực tiếp nhiều mặt đến hoạt động du lịch : Khi kinh tế phát triển, người dân có cuộc sống ổn định, mức sống được cải thiện và nâng cao, thời gian rỗi tăng, thu nhập cao hơn... Đây là điều kiện có ý nghĩa quan trọng trong việc quyết định đi du lịch. Kinh tế phát triển tạo môi trường thuận lợi cho việc cung ứng các nhu cầu của du khách. Hầu như tất cả các ngành kinh tế đều tham gia vào việc thúc đẩy sự phát triển của du lịch.

Ngành nông nghiệp cung cấp các sản phẩm như lương thực, thực phẩm cho nhà hàng, khách sạn để phục vụ du khách.

Ngành công nghiệp đóng vai trò gián tiếp trong ngành du lịch như : sản xuất các sản phẩm phục vụ trong ngành giao thông, ngành khách sạn.

Thông tin liên lạc phát triển cũng có ảnh hưởng sâu sắc đến du lịch : các phương tiện truyền thông hiện đại với tốc độ nhanh sẽ giúp cho việc quảng bá

du lịch, cung cấp những thông tin cần thiết cho khách hàng về sản phẩm du lịch, tạo nhu cầu du lịch.

Giao thông vận tải đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy nhu cầu đi du lịch, là yếu tố quan trọng để thúc đẩy du lịch phát triển.

- Những ảnh hưởng của du lịch đến nền kinh tế:

Du lịch có ảnh hưởng rõ rệt lên nền kinh tế của địa phương thông qua việc tiêu dùng của du khách.

Nhu cầu tiêu dùng của du khách là những nhu cầu tiêu dùng đặc biệt: Nhu cầu nâng cao kiến thức, học hỏi, thư giãn... Du lịch nhằm thỏa mãn các nhu cầu tiêu dùng hàng hóa vật chất cụ thể, hữu thể và hàng hóa phi vật thể...

Việc tiêu dùng sản phẩm du lịch xảy ra cùng lúc, cùng nơi với việc sản xuất chúng. Đây là nét khác biệt làm cho sản phẩm du lịch mang tính độc quyền.

Du lịch có tác dụng điều hòa nguồn vốn từ vùng kinh tế phát triển sang vùng kinh tế kém phát triển ở các vùng sâu vùng xa.. Khi một khu vực nào đó trở thành một điểm du lịch, du khách đổ về làm cho nhu cầu tiêu thụ hàng hóa tăng lên. Điều này kích thích mạnh mẽ các ngành kinh tế có liên quan.

Trong lĩnh vực kinh tế đối ngoại, ngành du lịch có ưu thế nổi trội hơn cả, du lịch là ngành xuất khẩu tại chỗ, thu ngoại tệ lớn mà lại tiết kiệm được chi phí đóng gói, bảo quản.

Đối với kinh tế, du lịch có tác động tích cực làm thay đổi bộ mặt kinh tế khu vực. Nhiều nơi trên thế giới coi du lịch là giải pháp hiệu quả để phát triển kinh tế. Tuy nhiên, du lịch cũng có những ảnh hưởng tiêu cực đến kinh tế như sau: Gây ra tình trạng lạm phát cục bộ hay giá cả tăng cao, nhiều khi vượt quá khả năng chi tiêu của người dân.

1.3.2.5- Mối quan hệ giữa du lịch và hòa bình chính trị

Ổn định và an toàn là yếu tố có ý nghĩa lớn đối với du khách và các nhà cung ứng du lịch. Trong một đất nước xảy ra bất kỳ một xáo động chính trị nào đều có ảnh hưởng rất lớn đến du lịch. VD: năm 2009 vừa qua, ở Thái Lan xảy ra cuộc đảo chính ngay lập tức các chuyến du lịch đến nơi đây đã bị

ngừng lại. Còn ở nước ta, ngành du lịch có điều kiện để phát triển bởi Việt Nam được công nhận là đất nước có nền an ninh chính trị ổn định, môi trường du lịch an toàn. Mặt khác những tác động của du lịch tới an ninh chính trị cũng rất rõ nét. Du lịch được coi là chiếc cầu nối hòa bình giữa các dân tộc trên thế giới. Hoạt động du lịch giúp cho các dân tộc xích lại gần nhau hơn, hiểu biết hơn về những giá trị văn hóa của các nước bạn bè.

1.3.3- Xu hướng phát triển du lịch hiện nay

1.3.3.1- Gia tăng nhanh chóng về mặt số lượng

Trong điều kiện hiện nay, số lượng khách du lịch trong nước và quốc tế tăng nhanh là do các nguyên nhân sau:

- Do điều kiện sống của nhân dân được cải thiện ở việc tăng thu nhập, có nhiều thời gian rảnh rỗi hơn, các ngành y tế, văn hóa, giáo dục phát triển.

- Giáo dục là nhân tố kích thích đi du lịch. Khi trình độ giáo dục được nâng cao thì nhu cầu đi du lịch cũng tăng lên rõ rệt.

- Sự tập trung dân cư vào các thành phố, sự gia tăng dân số, tăng mật độ dân cư, độ dài tuổi thọ...đều liên quan mật thiết đến sự phát triển du lịch.

1.3.3.2- Xã hội hóa thành phần du khách

Từ sau Đại chiến thế giới lần II, cơ cấu thành phần du khách có nhiều thay đổi. Du lịch không còn là đặc quyền của tầng lớp trên mà xu thế quần chúng hóa thành phần xã hội, nghề nghiệp, tuổi tác, tôn giáo, dân tộc...

1.3.3.3- Mở rộng địa bàn du lịch

Hoạt động du lịch hiện nay diễn ra ở khắp mọi nơi có tiềm năng và sức hấp dẫn đối với du khách, từ vùng biển đến miền núi, từ nông thôn ra thành thị.

Trước đây hướng du lịch theo hướng Bắc - Nam tức là hướng về vùng biển đóng vai trò chủ đạo, ngày nay cùng biển vẫn thu hút được nhiều du khách nhưng không còn giữ thế áp đảo như trước nữa. Trong thế kỷ 21 này, du lịch sẽ tiến sang hướng Đông - Tây tức là các nước ở châu Á Thái Bình Dương.

1.3.3.4- Kéo dài thời vụ du lịch

Một trong những đặc điểm của du lịch là mang tính thời vụ rõ nét, phụ thuộc nhiều vào thiên nhiên. Ngày nay, với trình độ khoa học kỹ thuật và khả năng kinh tế, con người đang khắc phục dần những mặt hạn chế của thiên nhiên. Do tính thời vụ là yếu tố bất lợi trong kinh doanh du lịch nên con người đã tìm mọi cách để hạn chế ảnh hưởng của nó như mở rộng loại hình du lịch, dịch vụ. Việc kéo dài thời vụ du lịch đã góp phần tăng số lượng khách trong những năm gần đây.

1.3.3.4- Xu hướng phát triển của du lịch văn hoá

Bên cạnh những loại hình du lịch như du lịch sinh thái, du lịch khám chữa bệnh, du lịch mạo hiểm, du lịch giáo dục... gần đây du lịch văn hóa được xem là loại sản phẩm đặc thù của các nước đang phát triển, thu hút nhiều khách du lịch quốc tế. Du lịch văn hóa chủ yếu dựa vào những sản phẩm văn hóa, những lễ hội truyền thống dân tộc, kể cả những phong tục tín ngưỡng... để tạo sức hút đối với khách du lịch bản địa và từ khắp nơi trên thế giới. Đối với khách du lịch có sở thích nghiên cứu, khám phá văn hóa và phong tục tập quán bản địa, thì du lịch văn hóa là cơ hội để thỏa mãn nhu cầu của họ.

Phần lớn hoạt động du lịch văn hóa gắn liền với địa phương - nơi lưu giữ nhiều lễ hội văn hóa và cũng là nơi tồn tại đói nghèo. Khách du lịch ở các nước phát triển thường lựa chọn những lễ hội của các nước để tổ chức những chuyến du lịch nước ngoài. Bởi thế, thu hút khách du lịch tham gia du lịch văn hóa tức là tạo ra dòng chảy mới và cải thiện cuộc sống của người dân địa phương.

Ở những nước kém phát triển hoặc đang phát triển, nền tảng phát triển phần lớn không dựa vào những đầu tư lớn để tạo ra những điểm du lịch đắt tiền, mà thường dựa vào nguồn du lịch tự nhiên và sự đa dạng trong bản sắc dân tộc. Những nguồn lợi này không tạo ra giá trị lớn cho ngành du lịch, nhưng lại đóng góp đáng kể cho sự phát triển của cộng đồng xã hội. Những quốc gia phát triển mạnh du lịch văn hóa là Ấn Độ, Thái Lan, Indonesia, Malaysia, Trung Quốc và một số nước thuộc khu vực Nam Mỹ....

Tiểu kết Chương I :

Qua Chương I “*Một số vấn đề lý luận chung về tài nguyên du lịch nhân văn và xu hướng phát triển du lịch hiện nay*” chúng ta khẳng định rằng ngành du lịch ngày nay đang đóng góp rất nhiều vào cơ cấu kinh tế quốc dân của một quốc gia, nó có mối quan hệ với nhiều ngành kinh tế khác như nông nghiệp, công nghiệp, giao thông vận tải, thông tin liên lạc ...thúc đẩy giúp các ngành đó cùng phát triển. Có thể nói để phát triển được du lịch không thể tách rời tài nguyên du lịch, tài nguyên du lịch có một vị trí hết sức quan trọng.

Hiện nay xu hướng phát triển loại hình du lịch văn hóa đang ngày càng trở nên rõ nét và thu hút được nhiều sự quan tâm của du khách. Tuy nhiên, hiện nay tài nguyên du lịch nhân văn đang có nguy cơ bị ảnh hưởng bởi những tác động của nền kinh tế hiện đại. Do vậy, cần đầu tư và tập trung nghiên cứu đầy đủ và toàn diện về tài nguyên du lịch nhân văn để khai thác hợp lý, hiệu quả đang là một nhiệm vụ quan trọng trong quá trình phát triển du lịch hiện nay.

CHƯƠNG II

TIỀM NĂNG PHÁT TRIỂN DU LỊCH NHÂN VĂN Ở HUYỆN THỦY NGUYÊN

2.1- KHÁI QUÁT VỀ HUYỆN THỦY NGUYÊN

2.1.1- Điều kiện tự nhiên

2.1.1.1- Vị trí địa lý

Thủy Nguyên là một huyện nằm ở phía Bắc của thành phố Hải Phòng, trong giới hạn tọa độ 20°55' - 21°02' vĩ độ Bắc và 106°33' - 106°45' kinh độ Đông, diện tích 242,8km²(2004). Trên Bản đồ hành chính Hải Phòng, huyện Thủy Nguyên giống như một quả tim lớn, phía Bắc giáp tỉnh Quảng Ninh, phía Tây giáp tỉnh Hải Dương, phía Nam giáp quận Hải An và nội thành Hải Phòng. Chiều dài của huyện từ Trại Sơn (An Sơn) đến bến Rừng (Tam Hưng) là 23km, chiều rộng từ bến Bính đến cầu Đá Bạc 15 km. Quốc lộ số 10 chạy dọc huyện nối liền Hải Phòng với thị xã Quảng Yên và thị xã Uông Bí (Quảng Ninh). Trên con đường này có nhiều cây cầu lớn như cầu Bính dài 1.280m, cầu Kiền dài 1.186m, cầu Đá Bạc dài 700m và cầu Giá dài 300m.

Hiện nay, huyện Thủy Nguyên có 37 đơn vị hành chính gồm : 2 thị trấn Minh Đức, Núi Đèo và 35 xã : Gia Minh, Gia Đức, Minh Tân, Trung Hà, Ngũ Lão, Hoà Bình, Thuỷ Đường, Thiên Hương, Hoa Động, Lâm Động, Hoàng Động, Tam Hưng, Phục Lễ, Phà Lễ, Lập Lễ, Thuỷ Triều, Thuỷ Sơn, An Lữ, Tân Dương, Dương Quan, Liên Khê, Lưu Kỳ, Kỳ Sơn, Lưu Kiếm, Chính Mỹ, Quảng Thanh, Kênh Giang, Đông Sơn, Mỹ Đồng, Lại Xuân, An Sơn, Phù Ninh, Hợp Thành, Cao Nhân, Kiền Bái.

2.1.1.2- Khí hậu

Khí hậu Thủy Nguyên mang tính nhiệt đới, nóng ẩm và gió mùa do sự chi phối của hoàn lưu gió mùa Đông Nam Á, đặc biệt là không khí cực đới nên khí hậu ở đây chia làm hai mùa rõ rệt. Mùa hạ nóng ẩm mưa nhiều kéo dài từ

tháng 5 đến tháng 9. Mùa đông lạnh gần trùng vào mùa ít mưa từ tháng 11 đến tháng 3. Hai tháng 4 và 10 là hai tháng giao mùa. Sự phân chia mùa của khí hậu dẫn đến sự phân chia mùa trong hoạt động du lịch. Mùa đông giá rét hạn chế đến việc thu hút khách du lịch. Khí hậu Thủy Nguyên bị chi phối sâu sắc bởi khí hậu của biển, làm giảm bớt nhiệt độ và độ ẩm, nhất là khu vực ven biển.

- Bức xạ nhiệt :

+ Lượng bức xạ tại Thủy Nguyên đạt 220 đến 230 Kcal/cm², cực đại là 13-15h hàng ngày.

+ Tổng lượng bức xạ trung bình hàng ngày đạt 600Kcal/cm².

+ Cân bằng bức xạ hàng năm chỉ đạt số dương 65 -70 Kcal/cm².

Điều đó tạo điều kiện thuận lợi để phát triển loại hình du lịch nghỉ dưỡng và tắm chữa bệnh.

- Nhiệt độ không khí:

+ Tại Thủy Nguyên tổng lượng nhiệt bình quân cả năm đạt 8500°C. Nhiệt độ trung bình hàng năm từ 23°C -24°C, cao nhất à 38°C và thấp nhất là 5°C.

+ Chế độ nhiệt phân thành hai mùa rõ rệt, mùa đông lạnh từ tháng 11 đến tháng 3, mùa hạ từ tháng 5 đến tháng 9, nhiệt độ trung bình trên 25°C.

Đây là điều kiện thuận lợi cho việc phát triển du lịch.

- Gió:

+ Từ tháng 12 đến tháng 4 là gió Đông Nam chiếm ưu thế, tốc độ gió trung bình đạt từ 5,4 – 5,9m/s.

+ Từ tháng 9 đến tháng 10 là gió Bắc và Đông Bắc thổi mạnh, tốc độ trung bình từ 5,6 đến 6,3m/s. Sự có mặt của gió mùa Đông Bắc đã gây cản trở cho việc kéo dài thời gian hoạt động du lịch.

- Mưa và độ ẩm:

+ Lượng mưa trung bình năm là 162mm, năm cao nhất đạt 1700mm.

+ Độ ẩm không khí bình quân đo được là khoảng 82 -85%.

2.1.1.3- Địa hình

- Địa hình Thủy Nguyên chia làm 3 vùng:

+Vùng núi đá vôi - đá silic ở phía bắc huyện, được ngăn cách với các vùng khác bởi con sông Giá, chạy liên tiếp từ Trại Sơn - Doãn Lại đến Minh Tân - Minh Đức, chiếm diện tích 950 ha.

+Vùng núi đá sa thạch trải dài từ An Sơn - Phù Ninh qua Kỳ Sơn - Chính Mỹ tới Thủy Đường - Ngũ Lão, tiếp cận với bến Rừng, xen kẽ nhiều gò bãi, cánh đồng cát pha và thịt nhẹ, chiếm diện tích 1714 ha.

+Vùng đồng bằng phía đông nam màu mỡ trải dài từ Hợp Thành - Cao Nhân tới Lâm Động - Tân Dương, Tam Hưng - Lập Lễ. Ngoài đất thịt (nặng và trung bình) phù hợp với việc trồng cây lương thực, cây ăn quả, rau màu, còn có loại đất mặn ven các triền sông Cấm, sông Bạch Đằng thích hợp với các loại cây cói, sù, vẹt và nhiều loại hải sản khác.

2.1.1.4- Thủy văn

Thủy Nguyên như một hòn đảo nằm trong vòng ôm của những dòng sông. Phía Bắc và Đông là sông Đá Bạc và Bạch Đằng. Phía Tây là sông Kinh Thầy và sông Hàn Máu. Phía Nam là sông Cấm. Nằm ngang huyện là sông Giá, nay đã trở thành hồ, với trữ lượng nước trên 3 triệu km³ chạy dài từ Đông sang Tây. Trong nội địa vùng đất còn có một hệ thống kênh mương chạy chằng chịt. Các dòng sông chính chảy qua phần đất Thủy Nguyên đều là phần hạ lưu và chi lưu cuối cùng của hệ thống sông Thái Bình, gồm: sông Bạch Đằng (30km), sông Kinh Thầy (27km), sông Hàn (8km), sông Ruột Lợn (5km) và sông Giá. Đặc biệt, sông Bạch Đằng là nơi ghi dấu những chiến công lừng lẫy trong lịch sử đấu tranh của dân tộc (năm 939 Ngô Quyền đánh quân Nam Hán, năm 1288 chiến thắng Nguyên - Mông).

2.1.2- Lịch sử

Thủy Nguyên là vùng đất cổ, ban đầu được gọi là Nam Triệu Giang, nằm trong vùng An Biên do nữ tướng Lê Chân cai quản. Từ thế kỷ XV được gọi là huyện Thủy Đường thuộc phủ Tân An, châu Đông Triều. Đến triều vua

Đồng Khánh(1886) do kiêng tên húy đã đổi tên thành Thủy Nguyên. Đến đời vua Duy Tân (1908) đưa về thuộc tỉnh Kiến An, sau đó được sát nhập vào Hải Phòng.

Từ lịch sử xa xưa, Thủy Nguyên là nơi trung gian quá cảnh đi nhiều vùng miền khác nhau bằng cả đường bộ và lẫn đường thủy. Qua các di chỉ khảo cổ cho thấy nơi đây nằm trên đường đi lại của buôn bán giao lưu giữa khu vực chợ Vân Đồn và các thương nhân vùng Đông Á và Đông Nam Á. Lịch sử Trung Quốc ghi lại các tổng Yên Khoái, Vạn Ninh huyện Nghiêu Phong (Cát Hải) dùng thuyền đi lại thông thương với các miền Mỹ Giang (hồ Sông Giá), tỉnh Hải Dương và Khâm Châu (tỉnh Quảng Đông, Trung Quốc). Thở ấy, Thủy Nguyên đã hình thành một hệ thống chợ khá sầm uất, đặc điểm khác biệt lớn nhất là các chợ này đều gần sông rất thuận tiện cho việc giao lưu trao đổi hàng hóa như : chợ Giá, chợ Tổng, chợ Phục, chợ Chiều (Mỹ Sơn)...

Đời vua Hùng thứ VI, Nhà nước Văn Lang bị giặc Ân xâm phạm. Hai anh em Vũ Hồng, Vũ Lê Thị Hoa đã cùng nhân dân Thanh Lãng (Quảng Thanh)tham gia đánh đuổi quân thù. Đến đời Hùng Duệ Vương, nhân dân Thủy Nguyên dưới sự chỉ huy của Phạm Hoàng, Cao Thế, cũng đóng góp nhiều công lao to lớn.Năm 40, cuộc khởi nghĩa Mê Linh do Trưng Trắc-Trung Nhị lãnh đạo, cả ba anh em họ Trương (Liên Khê) tham dự. Viên quan lang họ Đỗ với sự hỗ trợ của Sĩ Quyền và nhân dân Đông Lý, Thái Lai đã tham dự vào sự nghiệp cứu nước oai hùng ngày ấy...

Trong kỷ nguyên đầu của đất nước, chính trên dòng sông Bạch Đằng đã diễn ra 3 trận chiến đánh đuổi quan xâm lược, trong đó phải kể đến trận đánh của Ngô Quyền (năm 938).

Từ sau ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam, Thủy Nguyên trở thành một cơ sở hoạt động của cách mạng. Nhiều tài liệu sách báo bí mật được thủy thủ đưa từ nước ngoài về qua Cảng, và Thủy Nguyên đã trở thành cầu nối hai trung tâm cách mạng Hải Phòng - Hòn Gai. Năm 1940, Chi bộ

Đảng cộng sản được thành lập ở Dương Động, khi Việt Minh phát triển mạnh ở Thủy Nguyên thì phong trào cách mạng ở đây trở nên sâu rộng. Ngày 16/8/1945, trên 1000 quần chúng cách mạng đã chiếm huyện lỵ ở Trịnh Xá giành chính quyền.

Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, nhân dân Thủy Nguyên đã lập nhiều chiến công mới. Ngày 25/10/1948, với chiến dịch phá tề trừ gian, tấn công đồn giặc, phát động chiến tranh du kích đã đưa toàn bộ huyện Thủy Nguyên đứng lên đánh giặc, dân chúng vác cờ đi diễu phố, đàn bà cầm đèn gánh đi đánh Tây” (Cứu quốc 6/12/1948) là một sự kiện lịch sử đáng ghi nhớ. Trong vngf gần 3 năm (1948 - 1951), Thủy Nguyên đã phá hàng trăm cuộc càn quét của giặc, bẻ gãy nhiều cuộc tấn công có quy mô lớn của chúng. Trong thời gian 300 ngày tập kết đảng bộ và nhân dân Thủy Nguyên lại tiếp tục đấu tranh với địch trên nhiều lĩnh vực, bảo vệ thành quả của 9 năm kháng chiến anh dũng.

Sau hơn 10 năm xây dựng hòa bình, ngày 23/8/1965, bom đạn giặc Mỹ lại trút xuống Thủy Nguyên. Cũng từ đó quy mô của cuộc chiến tranh phá hoại ngày càng trở nên ác liệt. Từ Lâm Động, Hoàng Động, Tân Dương đến cầu Đá Bạc, cầu Giá, bến Kiền, bến Bính ...trở thành mục tiêu của kẻ thù. Dưới sự lãnh đạo của các cấp Đảng, quân và dân Thủy Nguyên đã anh dũng chiến đấu hạ 5 máy bay địch, cùng với bộ đội hạ 58 chiếc khác, bắt sống 3 giặc lái, phá hàng trăm bom nổ chậm, bảo đảm giao thông thông suốt. Xã Phục Lễ - đơn vị anh hùng và các anh hùng quân đội Nguyễn Huy Hồng, Đinh Văn Rí, Lương Văn Mượng ...là những tấm gương sáng của Thủy Nguyên [1].

2.1.3- Điều kiện kinh tế - xã hội

2.1.3.1- Dân cư

Vùng đất Thủy Nguyên được hình thành từ rất sớm, dân cư sống tại mảnh đất này có mặt từ xa xưa. Những di chỉ khảo cổ học tìm thấy mộ cổ Việt Khê (Phù Ninh) được khai quật vào năm 1962 có niên đại khoảng 2500 năm.

Di chỉ khảo cổ học Tràng Kiên (thị trấn Minh Đức) có niên đại khoảng 3000+/-100 năm. Đây là di chỉ cư trú và công xưởng chế tác đồ đá của những người cổ xưa, di vật còn lại gồm: đồ gốm, công cụ đá, đồ trang sức bằng đá quý, đồ đồng phản ánh sự tiến bộ về kỹ thuật của người Việt cổ. Từ đó đến nay cùng với lịch sử, cộng đồng dân cư Thủy Nguyên không ngừng phát triển.

Theo điều tra dân số của huyện Thủy Nguyên năm 2004 có 284.400 người, mật độ dân số là 1171 người/km². Như vậy huyện Thủy Nguyên là huyện có mật độ dân số cao của Hải Phòng.

Từ xa xưa, con người Thủy Nguyên đã là những trai tài, gái đẹp, duyên dáng thông minh nổi tiếng khắp vùng. Sự phong phú đa dạng về địa hình đã tạo cho con người Thủy Nguyên có khả năng phát triển về mọi mặt, dễ dàng khắc phục những khó khăn của cuộc sống cũng như nhanh chóng thích nghi với môi trường sống hiện đại.

Điều kiện đất đai khí hậu đã giúp cho con người Thủy Nguyên không chỉ giỏi về làm nông nghiệp, nghề làm rừng, làm vườn, nghề chài lưới mà còn thông thạo các nghề thủ công, thương mại, máy móc công nghiệp hiện đại.

Con người Thủy Nguyên với truyền thống yêu quê hương đất nước nồng nàn gắn với tình cảm xóm làng sâu nặng, người dân nơi đây luôn gắn bó đoàn kết lại để vượt qua khó khăn trở ngại trong cuộc sống. Hơn nữa với lòng hiếu khách cộng với bản tính lương thiện thật thà của người dân đất Việt nói chung và người dân Thủy Nguyên nói riêng luôn làm cho du khách cảm thấy gần gũi thân quen khi đến tham quan du lịch nơi đây.

2.1.3.2- Kinh tế - xã hội

Ngày nay, Thủy Nguyên đã có nhiều sự thay đổi đáng kể. Nhiều công trình công nghiệp, dân dụng mọc lên san sát, đường sá được nâng cấp, mở rộng, đời sống nhân dân ngày một cải thiện. Một chiếc áo với những gam màu mới đang khoác lên mình huyện Thủy Nguyên, mở ra một hướng phát triển mới, một diện mạo mới với vị thế của một trong những trung tâm đô thị hành

chính của thành phố Cảng trong tương lai không xa theo quy hoạch điều chỉnh của thành phố Hải Phòng đến năm 2020.

Tận dụng tối đa các thế mạnh của một vùng đất giàu tiềm năng kinh tế, đa dạng về ngành nghề, Thủy Nguyên đã nắm bắt thời cơ, khai thác tối đa những tiềm năng sẵn có. Trên cơ sở đó, nhanh chóng xác định các ngành kinh tế mũi nhọn để đầu tư phát triển, tích cực chuyển dịch cơ cấu kinh tế, thúc đẩy tiến trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông thôn. Chủ trương chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá bước đầu đã thu được những kết quả tốt đẹp. Trong giai đoạn 1998 - 2002, tỷ trọng ngành nông nghiệp giảm từ 58% xuống 47,9%; công nghiệp - xây dựng tăng từ 11,9% lên 26,4%; ngành dịch vụ cũng được điều chỉnh hợp lý hơn. Nhờ đó, năm 2002, tổng giá trị các ngành sản xuất và dịch vụ đạt 688,7 tỷ đồng, tăng 16,5% so với năm 2001, trong đó ngành nông nghiệp tăng 5,1%, ngành công nghiệp - xây dựng tăng 26,4%, ngành dịch vụ tăng 22,8%.

Trong nông nghiệp, diện tích cấy lúa năng suất thấp giảm dần, một phần chuyển sang nuôi trồng thủy sản; thay đổi cơ cấu trà lúa theo hướng tăng diện tích cấy lúa xuân muộn, mùa trung từ 28% lên 33%; đạt năng suất lúa 45,5 tạ/ha/vụ, đảm bảo diện tích trên 2.000 ha rau màu, trong đó diện tích rau đạt 1.320 ha với sản lượng 22.586 tấn. Công tác chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp bước đầu có những kết quả đáng ghi nhận. Mặc dù, diện tích sản xuất nông nghiệp giảm dần, nhưng do tích cực đưa giống cây trồng, vật nuôi có năng suất, chất lượng cao vào sản xuất, giá trị sản xuất ngành trồng trọt năm 2002 tăng 24% so với năm 1998.

Chăn nuôi gia súc, gia cầm được chú trọng, đàn lợn, gia cầm tăng theo hướng sản xuất hàng hoá, phát triển mạnh về số lượng và quy mô. Trong năm 2002, huyện đã đưa vào sử dụng 16 trang trại gà, quy mô 3.000 con/trang trại; 3 trang trại nuôi lợn nái ngoại, quy mô 25 - 30 con/trang trại. Các trang trại tập trung chủ yếu ở một số xã Lưu Kiếm, Lại Xuân và Minh Tân.

Bên cạnh chăn nuôi, huyện đã tiến hành quy hoạch các vùng nuôi trồng thủy sản, lập các dự án nuôi tập trung theo phương pháp bán thâm canh và công nghiệp. Diện tích nuôi trồng duy trì ở mức 2.450 ha, đối tượng nuôi chủ yếu là tôm sú, cua bể, cá chim trắng với sản lượng đạt 4.800 tấn/năm. Hoạt động khai thác thủy sản phát triển, năm 2002, huyện Thủy Nguyên đóng mới gần 100 tàu đánh cá, nâng tổng số phương tiện đánh bắt lên 1.400 chiếc, trong đó có 450 phương tiện đánh bắt xa bờ, sản lượng khai thác thủy sản đạt 5.800 tấn.

Trong lĩnh vực công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp - xây dựng và dịch vụ, tổng giá trị sản xuất đạt 287 tỷ đồng. Hiện nay, trên địa bàn huyện có hơn 20 xí nghiệp, nhà máy, hàng trăm cơ sở sản xuất - kinh doanh, công ty trách nhiệm hữu hạn hoạt động đã tạo lập môi trường sản xuất - kinh doanh sôi động, cạnh tranh lành mạnh, góp phần giải quyết việc làm cho hàng nghìn lao động, tăng nhanh giá trị sản xuất công nghiệp - xây dựng trên địa bàn huyện. Trong đó, nếu năm 1998, giá trị sản xuất công nghiệp - xây dựng chỉ đạt 54,1 tỷ đồng thì sang năm 2002, con số này đã tăng lên 182 tỷ đồng, gấp gần 3,4 lần so với năm 1998. Sản lượng một số sản phẩm truyền thống của ngành công nghiệp đều tăng, trong đó đá các loại đạt 450.000 m³, tăng 9%; đúc kim loại đạt 10.500 tấn, tăng 25,7%; vôi củ đạt 44.000 tấn, tăng 10% so với năm 2001. Cùng với những thành tựu đạt được, Thủy Nguyên còn đón nhận nhiều dự án lớn đang được đầu tư trên địa bàn như: tuyến Quốc lộ 10 từ Bến Kiền, Đá Bạc sang Quảng Ninh; nhà máy nhiệt điện 600 MW (xã Tam Hưng); Nhà máy Xi măng Hải Phòng (thị trấn Minh Đức); mở rộng Công ty Công nghiệp Tàu thủy Nam Triệu.... Đây sẽ là những nền tảng cơ bản cho sự phát triển của Thủy Nguyên trong tương lai.

Bên cạnh đó, phát huy lợi thế của vùng ven đô giáp hải cảng, Thủy Nguyên có điều kiện phát triển du lịch, thương mại và dịch vụ với nhiều thắng cảnh đẹp như: hồ Sông Giá, hang Lương, hang Vua, khu vực núi Tràng Kênh... và nhiều công trình kiến trúc độc đáo, đền thờ, miếu mạo đã được

Nhà nước công nhận và xếp hạng cùng với những lễ hội truyền thống độc đáo, đậm đà bản sắc dân tộc.

Có thể nói, bức tranh kinh tế Thủy Nguyên trong giai đoạn gần đây đã có những gam màu sáng, hoạt động kinh tế sôi động hơn đã mang lại hơi thở mới trong cuộc sống của người dân nơi đây. Đời sống vật chất cũng như tinh thần của người dân Thủy Nguyên được cải thiện rõ rệt nhờ các biện pháp chăm lo đầu tư cơ sở hạ tầng, phát triển văn hoá giáo dục.

Trong đó, lĩnh vực văn hoá - xã hội của huyện đã có nhiều chuyển biến tích cực. Thực hiện phương châm "Giáo dục là quốc sách hàng đầu", hàng năm, tỷ lệ học sinh đến lớp ở các bậc học đạt cao. Năm 2001, huyện đã được Bộ Giáo dục - Đào tạo công nhận phổ cập giáo dục trung học cơ sở. Năm 2001 - 2002, toàn huyện có 245 học sinh đoạt giải trong kỳ thi học sinh giỏi thành phố, trong đó có 13 giải nhất, 54 giải nhì, 71 giải ba. Để đạt được những kết quả trên, đội ngũ giáo viên các cấp trong huyện luôn được nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Tính đến nay, toàn huyện có 95% giáo viên có trình độ cao đẳng sư phạm trở lên, tỷ lệ giáo viên giỏi đạt trên 30%.

Công tác y tế, dân số và chăm sóc sức khoẻ cộng đồng được quan tâm, đặc biệt là các xã vùng sâu, vùng xa. Đến nay, huyện đã hoàn thành chương trình đưa bác sỹ về cơ sở, sửa chữa các trạm y tế xã, đầu tư hệ thống trang thiết bị hiện đại, phục vụ tốt công tác khám, chữa bệnh. Đặc biệt, công tác giáo dục, chăm sóc, bảo vệ trẻ em được quan tâm thường xuyên bằng hành động thiết thực như duy trì tốt hoạt động giảng dạy ở các lớp học tình thương, giúp đỡ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt hoà nhập cộng đồng.

Các hoạt động văn hóa, thể thao quần chúng phát triển mạnh mẽ. Công tác xã hội hoá thể thao được đẩy mạnh từ cấp huyện đến cơ sở, góp phần rèn luyện sức khoẻ nhân dân. Các môn bơi lội, bóng đá thiếu niên nhi đồng, điền kinh trong sân đều đạt thành tích cao. Trong giai đoạn (1998 - 2002), Thủy Nguyên luôn được công nhận là đơn vị lá cờ đầu về phong trào thể dục - thể thao của thành phố.

Về xây dựng cơ bản, huyện chỉ đạo các ban ngành thực hiện xong quy hoạch chi tiết thị trấn Núi Đèo, thị trấn Minh Đức, khu đô thị Bắc Sông Cấm và lập dự án khai thác tài nguyên hồ Sông Giá. Ngoài ra, huyện còn tiến hành xây dựng 2 nhà máy nước loại nhỏ ở xã Tân Dương, Lập Lễ, hệ thống cấp nước ở Lại Xuân, xây dựng 60 bể xử lý chất thải chôn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường. Tổng mức vốn đầu tư xây dựng cơ bản năm 2002 đạt 50,5 tỷ đồng.

Hệ thống giao thông vận tải phát triển khá mạnh về số lượng và chất lượng, đáp ứng một phần nhu cầu vận chuyển hàng hoá và phục vụ nhu cầu đi lại của nhân dân. Bên cạnh đó, công tác quản lý phương tiện, giải toả hành lang an toàn giao thông được tăng cường, thường xuyên thực hiện chế độ duy tu, sửa chữa hệ thống đường sá. Năm 2002, huyện đã tiến hành cải tạo, nâng cấp 30 km đường, trong đó có 4,6 km đường huyện quản lý và 25,4 km đường liên thôn, xóm, xã.

Đến nay, huyện Thủy Nguyên đã cơ bản hoàn thành việc bàn giao lưới điện trung áp ở các xã, thị trấn, đưa vào sử dụng 5 công trình bằng nguồn vốn phụ thu và một phần đóng góp của nhân dân trị giá 644 triệu đồng. Bên cạnh đó, ngành Bru điện Thủy Nguyên cũng đạt được nhiều bước tiến vượt bậc. Trang thiết bị được đầu tư mới khá hiện đại, số lượng máy mới được lắp đặt tăng nhanh, đạt 2,86 máy/100 dân.

2.2- TÀI NGUYÊN DU LỊCH NHÂN VĂN HUYỆN THỦY NGUYÊN

2.2.1- Di tích lịch sử văn hóa

Theo thống kê chưa đầy đủ thì hiện nay ở Thủy Nguyên có khoảng 130 di tích lịch sử văn hóa, phân bố khá đều ở các làng xã với mật độ trung bình 1 di tích/1km². Do vậy Thủy Nguyên là một trong những huyện có mật độ di tích lịch sử văn hóa cao nhất cả nước. Trong đó đã có 17 di tích được xếp hạng thành phố và 23 di tích được xếp hạng quốc gia cũng thuộc mật độ cao nhất trong cả nước.

**Bảng 1- Danh sách di tích lịch sử văn hoá cấp Quốc gia
ở huyện Thủy Nguyên (tới tháng 5 năm 2005)**

STT	Địa điểm	Tên di tích	Loại hình	Ngày lễ hội
1	Thị trấn Minh Đức	Cụm di tích Tràng Kênh, Bạch Đằng	Lịch sử- Danh lam	6-7/1
2	Trịnh Xá ,Thiên Hương	Đền, chùa Trịnh Xá	Lịch sử- Văn hóa	23-24/2
3	Trịnh Xá ,Thiên Hương	Đền Trịnh Hương	Lịch sử- Văn hóa	17-20/2
4	Hoàng Pha ,Hoàng Đông	Đền ,chùa Hoàng Pha	Lịch sử- Văn hóa	13-14/1
5	Xã Kiên Bái	Đình Kiên Bái	Lịch sử- Văn hóa, kiến trúc nghệ thuật	9-12/1
6	Xã Đồng Lý ,Mỹ Đông	Đình Đồng Lý	Lịch sử -Nghệ thuật	8-12/1
7	Nhân Lý ,Cao Nhân	Chùa Nhân Lý	Lịch sử- Danh lam	17-20/2
8	Liên Khê	Đền Thụ Khê ,chùa Thắm Khê ,chùa Mai Động	Lịch sử- Văn hóa	20/8
9	Minh Tân	Chùa Dương Chung ,hang Vua ,hang Áng Vải	Lịch sử- Văn hóa	15/1
10	Quảng Cư ,Quảng Thanh	Đền Quảng Cư	Lịch sử- Văn hóa	9/11
11	Thanh Lãng ,Quảng Thanh	Đền thờ Trạng nguyên Lê Ích Mộc	Lịch sử- Văn hóa	6-10/3
12	Thanh Lãng ,Quảng Thanh	Đình Thanh Lãng	Lịch sử- Văn hóa	6-10/3
13	Câu Tử ,Hợp Thành	Chùa Câu Tử Nội	Lịch sử- Văn hóa	15/4
14	Tân Dương	Đình Tân Dương	Lịch sử- Văn hóa	20/2
15	An Lư	Đền An Lư	Lịch sử- Văn hóa	1-6/1
16	Chung Mỹ	Đình Chung Mỹ	Lịch sử- Văn hóa	6-7/1
17	Thủy Tú	Miếu Thủy Tú	Lịch sử- Văn hóa	27/2
18	Minh Tân	Đình Chùa Tây	kiến trúc nghệ thuật	15/1

Nguồn: Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch Hải Phòng

Sau đây tôi xin được giới thiệu về một số di tích lịch sử văn hoá tiêu biểu có khả năng hấp dẫn khách du lịch:

⊗ **Đền An Lư (xã An Lư)**

Đền An Lư thuộc xã An Lư, huyện Thủy Nguyên, thờ danh y Tuệ Tĩnh. Đền nằm trên dải sa bồi của hệ thống Sông Cấm, chảy qua thềm đất cổ Thủy Nguyên, nơi có sự khai phá đất đai, tạo dựng xóm làng của cư dân làm nông nghiệp làm lúa nước và chài lưới từ rất sớm. Đền thờ thiên sư Tuệ Tĩnh, nguyên là một trong hai vị thánh thuốc nam của nước Việt, quê ở Cẩm Giàng, Hải Dương.

Trước đây, tại mảnh đất An Lư còn nhiều công trình di tích khác như: Miếu Hồ, bến Bút, đình Chung được dân làng nhiều lần tổ chức nghi lễ liên quan đến việc tuyên truyền, phổ biến phương pháp chữa bệnh bằng cỏ cây, thảo dược, lưu truyền những bài thuốc hay của đại danh y Tuệ Tĩnh. Trải qua thời gian, chiến tranh, thiên nhiên khắc nghiệt đã hủy hoại hoàn toàn những di tích ban đầu của dân làng tôn thờ danh y Tuệ Tĩnh. Đầu năm 1948, dân làng An Lư đã rước thành hoàng đại danh y Tuệ Tĩnh về phối thờ tại ngôi đền An Bạch, là nơi dân làng thờ vị anh hùng dân tộc Trần quốc Tuấn và các con trai tại vị trí di tích hiện nay. Pho tượng đại danh y Tuệ Tĩnh được các nghệ nhân dân gian tạo tác bởi bàn tay điêu nghệ, giàu tính nghệ thuật truyền thống Việt Nam. Tượng tạo gần bằng người thật theo lối tượng tròn, trang trọng trong sắc phục quan văn cuối thế kỉ XIX.

Lễ hội làng An Lư diễn ra từ ngày 11/11 âm lịch hàng năm. Tùy theo điều kiện mà lễ hội kéo dài từ 3 đến 5 ngày. Điều đặc biệt cho huyện Thủy Nguyên và riêng làng An Lư là ngoài lễ hội tưởng niệm vị đại danh y diễn ra tại ngôi đền thờ ông, còn bảo lưu truyền thống văn hóa mang đậm bản sắc địa phương như: Hạp phiên chợ Xưa vàng sáng mừng một tết nguyên đán, có đầy đủ các sản vật địa phương và nhiều miền quê trù phú khác như. Tại đây, nhân mùa xuân mới người ta gặp gỡ, chúc tụng nhau những điều tốt lành, hy vọng

một năm mới gặp nhiều may mắn, thuận lợi trong suốt cả năm. Đền An Lu được xếp hạng di tích lịch sử văn hóa năm 1990.

⊗ Đền thờ Trần Quốc Bảo

Đền thờ Trần Quốc Bảo là công trình tưởng niệm về vị tướng của Vương triều Trần - người có công trong cuộc kháng chiến chống quân Nguyên Mông của dân tộc ta ở thế kỷ XIII. Di tích nằm ở phía Nam chân núi Hoàng Tôn, thôn Tràng Kênh, thị trấn Minh Đức, huyện Thủy Nguyên, Hải Phòng.

Kiến trúc đền thờ Trần Quốc Bảo tiêu biểu cho mô hình của một trung tâm sinh hoạt văn hóa - tín ngưỡng, gồm có hai phần :

- Phần trong còn gọi là hậu cung (hay nội điện) nơi thờ tự đức thánh Trần Quốc Bảo. Hậu cung thường giữ vẻ thâm nghiêm, ít người được ra vào cửa hậu cung chỉ được mở vào những ngày lễ hội. Điều đó, biểu thị lòng tôn kính, niềm tự hào đối với người được thờ.

- Phần ngoài, tiền đường có kiến trúc độc đáo gồm hai tầng, tám mái đao cong, đắp môtip “Rồng châu, phượng móm”, xung quanh bãi đường không xây tường, làm cửa mà để ngỏ 4 mặt, tạo ra sự thông thoáng mát mẻ. Chính giữa là “Trung đình”, nơi đặt hương án đồ thờ. Hai bên tả hữu của đại bái là nơi hội họp của các quan viên làng xã xưa kia.

Do đền Trần Quốc Bảo đã trải qua nhiều lần tu sửa do đổ nát, xuống cấp nên các vết tích cổ có niên đại sớm từ thời kỳ Trần - Lê hầu như không còn. Lần tu sửa mới đây (1994) chỉ giữ lại được các cột vì xà trong hậu cung mang phong cách nghệ thuật thời Nguyễn (thế kỷ XIX).

Những nét độc đáo của quần thể kiến trúc kiểu chữ “nhị” “rất tiêu biểu thường thấy ở các di tích thuộc huyện Thủy Nguyên (như miếu Thủy Tú, đình Trung, đình Thượng ở Thủy Đường, đền Đồng Môn ở Hòa Bình...). Tòa đại bái thường có một khoảng cách với tòa hậu cung, không có tòa “ống muống”, nhưng môtip kiến trúc tòa đại bái với kiểu hai tầng tám mái thì chỉ thấy có đền Trần Quốc Bảo - Tràng Kênh mà thôi. Phải chăng sự tách bạch giữa đại

đường đã mách bảo chúng ta về một chức năng quan trọng nữa của công trình tín ngưỡng văn hóa này : tổ chức lễ hội.

Lễ hội Trần Quốc Bảo (hay lễ hội Tràng Kênh) bắt đầu vào mùng 6 tháng giêng âm lịch và kéo dài sau đó khoảng 5 ngày. Đây là một lễ hội có quy mô lớn nhất huyện Thủy Nguyên được duy trì và tổ chức đều đặn hàng năm, có sự lôi cuốn và tham gia của đông đảo nhân dân (Hải Phòng - Quảng Ninh). Lễ hội ở đây đã kết tinh tình cảm cao quý đối với một vị tướng của vương triều Trần. Đó cũng là nét bản sắc của lễ hội dân gian truyền thống tiêu biểu mang sắc thái của một làng cư dân ven biển Hải Phòng.

☸ **Trạng Nguyên Lê Ích Mộc và những di sản văn hóa lưu niệm về ông**

Lê Ích Mộc người làng Thanh Lãng (tên Nôm là Ráng), nay thuộc xã Quảng Thanh. Ông sinh năm 1460, không rõ năm mất.

Là một người có nhiều công lao đối với dân làng nên sau khi ông mất, dân làng cảm công đức, tạc tượng ông, xây đền trên nền trường học cũ do ông mở để thờ. Triều đình truy ân phong là phúc thần. Mộ Lê Ích Mộc được xây bằng gạch trên sườn núi Lãng, vốn là khu rừng lim xưa kia ông vận động dân trồng. Mộ đặt hướng Tây nam, nhìn ra sông Việt. Trên mộ gắn tấm bia khắc dòng chữ Trạng nguyên Lê Ích Mộc (1460 - ?). Mất ngày 15 tháng 2 năm Giáp Ngọ. Đỗ Trạng Nguyên khoa Nhâm Tuất, niên hiệu Cảnh Thống năm thứ 5 (1502), đời Lê Thánh Tông, làm quan tới chức Tả Thị lang. Trước bia đặt bát hương đá tròn, 2 nấc. Tương truyền bát hương đá này được mang từ đền Quan Trạng xưa kia.

Năm 1992, nhân dân địa phương dựng một ngôi nhà nhỏ để thờ Lê Ích Mộc gọi là Từ Đường Quan Trạng trên nền của ngôi đền cũ.

Từ đường Lê Ích Mộc còn lưu giữ được 2 di vật có niên đại Tây Sơn, đó là quả chuông đồng cao 90cm, đường kính miệng 45cm, bên cạnh bài minh còn có 4 chữ Hán Diên phúc tự chung, khẳng định di vật của chùa Diên Phúc, chuông được đúc năm Cảnh Thịnh thứ 3(1795).

Hiện vật thứ hai là bia được khắc dọc theo giữa thân 7 chữ Hán trong khuôn tròn Lê Ích Mộc Trạng nguyên phục miếu (Miếu thờ Trạng nguyên Lê Ích Mộc). Hai bên dòng chữ này ghi tên những người trong vùng bỏ tiền của cúng tiến, bia chỉ có chữ ở một mặt, tạc năm Cảnh Thịnh thứ 1 (1793).

Những di vật của thời đại Tây Sơn trong lịch sử dân tộc có ý nghĩa rất lớn trong việc nghiên cứu lịch sử Hải Phòng về nhiều lĩnh vực nghệ thuật, tôn giáo, địa danh. Lăng mộ, từ đường Trạng nguyên Lê Ích Mộc được Nhà Nước xếp hạng năm 1993.

✧ **Đình Kiên Bái**

Đình Kiên Bái nằm ở xã Kiên Bái. Xưa kia Kiên Bái còn có tên là Hồ Bái Trang gồm 12 xóm, dân cư tập trung đông hơn cả là xóm Đông. Do đó, đình Kiên Bái nằm ở ngay xóm Đông. Các vị thần được thờ ở đình là:

- Trung Quốc Cảm ứng thượng đẳng thần.
- Lôi Công Uy Diệu thượng đẳng thần.

Đình Kiên Bái được xây dựng vào cuối thế kỷ XVII. Đình có cấu trúc kiểu chữ đình gồm 5 gian tiền đường, 2 gian hậu cung. Tiền đường, trừ gian giữa (khoang thuyền), 4 gian đều bung gỗ, lát ván sàn. Trên cột cái, vì xà chính ghi năm tạo dựng (1681) và tên những người đóng góp công đức. Đây là công trình kiến trúc điêu khắc tiêu biểu của nghệ thuật kiến trúc thời Lê hiện còn lại ở Hải Phòng. Điểm nổi bật của đề tài trang trí trên công trình kiến trúc nghệ thuật này là bên cạnh hình ảnh rồng, phượng, hoa lá cách điệu, tia lửa, lưỡi mác... còn thấy rất nhiều cảnh sinh hoạt dân gian rất tự nhiên, sinh động. Đó là hình ảnh rồng nối đuôi nhau, trước mặt rồng có nhiều con thú 4 chân leo trèo trong đám mây rồng; có hình ảnh rồng đan xen với thú 4 chân như thần lân, voi ngựa, lợn ăn lá dáy; có mảng là cảnh sinh hoạt hình em bé chần trâu ngòi vát vẻo trên mình trâu...

Hội làng Kiên tổ chức từ ngày 10 đến ngày 13 tháng giêng âm lịch hàng năm. Vào những ngày này dân làng ra đình tế lễ và nô nức vào hội: hội hát đúm, hội nấu bánh chưng... nổi bật là trò chơi dân gian: cướp cây bông.

Đình Kiền Bái là di tích lịch sử văn hóa có giá trị nghệ thuật cao, được nhà nước xếp hạng di tích quốc gia năm 1986.

✧ **Chùa Mỹ Cụ**

Chùa Mỹ Cụ tên chữ là Linh Sơn tự dựng trên núi Phượng Hoàng thuộc thôn Mỹ Cụ, xã Chính Mỹ. Đây được coi là một trong những ngôi chùa lâu đời nhất của huyện Thủy Nguyên cũng như của thành phố Hải Phòng. Về lai lịch ngôi chùa, theo bút ký của cố Đại lão hòa thượng Kim Cương Tử, song thân vua Lê Đại Hành (Lê Hoàn) đã đến cầu tự tại chùa sau sinh ra quý tử, sớm có dáng khôi ngô, như báo trước một thiên tướng oai hùng, vị Thập đạo tướng quân sau này. Như vậy, ít nhất chùa Mỹ Cụ đã được xây cách đây trên 1000 năm.

Văn tự cổ nhất ở chùa là cây Thạch trụ đài niên hiệu Chính Hòa (1680 - 1705) đời vua Lê Huy Tông, ghi lại việc trùng tu xây dựng chùa.

Đến đời Lê Trung Hưng, vào năm Vĩnh Thịnh thứ 13 chùa được tu tạo lại với quy mô lớn với 12 gian to rộng cùng nhà tổ, nhà tăng và tạc được 19 pho tượng, các đồ tế khí được sơn son thiếp vàng. Hiện chùa còn giữ một bia đá ghi lại sự kiện này.

Năm Minh Mạng thứ 9 (1838) ngài Vô cầu luật sư kiêm Thiền sư họ Phạm trụ trì chùa. Chùa lại được tu bổ, tôn tạo thêm nhiều tượng mới, đồ tế mới.

Năm Nhâm Ngọ (1942) chùa lại được tu sửa, nhưng lần này đã làm mất đi màu sắc cũ của chùa. Ngôi chùa hiện nay được làm mới vào năm 1979 trên nền đất cũ và cơ bản vẫn dựa vào nét kiến trúc chính của lần trùng tu năm Nhâm Ngọ (1942).

Theo cách nhìn và cách gọi của các nhà phong thủy thì chùa nằm ở thế đất Ngũ linh: Phụng, Long, Quy, Hổ, Tượng. Phía trước chùa cách khoảng 500 - 600m bên phải là núi Con Hổ, bên trái là núi Con Rùa, phía sau lưng một dải núi đá xanh ôm lấy lưng chùa gọi là núi Ròng Xanh, phía trước mặt xa xa theo đường chim bay ước trên 10km là núi Voi Phục huyện An Lão châu về chính giữa chùa.

Có thể nói riêng về mặt thiên nhiên, so với các chùa khác, trong phạm vi thành phố Hải Phòng khó tìm thấy một ngôi chùa nào có vị thế tuyệt đẹp như chùa Mỹ Cự.

Ở vị trí cao nhất là chùa Cao. Tượng chính được thờ trong chùa là Tiểu Kính Tâm, tượng tạc khá đẹp trong tư thế ngồi tay bông con. Bên trong là tượng Tiết Xương – Di Lạc. Họa tiết trang trí ở đây nhẹ nhàng đơn giản.

Ở tầng thứ hai là chùa chính, chùa thiết kế theo hình chữ đinh với 5 gian tiền đường, 3 gian hậu cung. Giữa tiền đường đặt ban thờ trên đề 3 chữ “Linh Sơn tự”. Gian bên phải thờ Đức ông, gian bên trái thờ Mẫu. Hai bên đặt tượng hai ông Hộ pháp, kích thước khá lớn được sơn son thiếp vàng.

Hậu cung là nơi đặt các tượng thờ, số lượng khá phong phú. Trong cùng cao nhất là ba pho tượng Tam thế biểu đạt quá khứ - hiện tại - tương lai. Phía trước là đức A Di Đà kích thước lớn nhất được tạc bằng thân gỗ lim. Một cây gỗ mọc tại chỗ vì thế không thể di chuyển đi nơi khác được, trờ phi xây lại một ngôi chùa mới. Thân tượng cao 2m30, đường kính tòa sen là 1m40. Hai bên có Kim Đồng - Ngọc Nữ theo hầu. Tiếp theo là tượng Thích Ca Mâu Ni và Phật tổ Huyền Quang. Ở vị trí thấp nhất là tượng Nam Tào - Bắc Đẩu với tòa Cửu Long (chạm khắc 9 con rồng nặng trên 60kg quấn vào nhau uốn lượn bao quanh tượng Thích Ca ở giữa), đây là công trình nghệ thuật đặc sắc của chùa chứa đựng trong nó nhiều yếu tố tâm linh và nghệ thuật.

Phía sau chùa chính là nhà Tổ, nhà Tăng nơi thờ các vị sư trụ trì trong chùa.

Tầng thấp nhất của chùa là tượng tháp cổ gồm có hai tháp bằng đá và 8 tháp xây bằng gạch. Trong đó có một số ít đã bị hư hại được bao phủ bởi rất nhiều cây cỏ thụ, trong đó chủ yếu là nhãn, vải. Từ vườn tháp lên chùa chính có nhiều bậc đá xanh được đẽo gọt cẩn thận chắc chắn.

Hiện tại Tam quan chùa được xây dựng lại với quy mô khá lớn : từ chân đế tới đỉnh tháp cao 24m, rộng 10m, dài 16m có nhiều tầng khác nhau.

Hàng năm chùa mở hội vào ngày mùng 6 tháng Giêng âm lịch. Đây là hội làng có truyền thống từ rất lâu thu hút đông đảo nhân dân trong vùng tham gia.

❖ **Miếu và chùa Phương Mỹ**

Miếu và chùa Phương Mỹ thuộc thôn Phương Mỹ, xã Mỹ Đồng, cách trung tâm thành phố khoảng 10km về phía Bắc. Miếu Phương Mỹ xưa kia còn có tên là miếu Đông. Vào thời Hùng Vương, thôn Phương Mỹ có tên là Hoa Kiều trang, có 3 ngôi miếu là miếu Đông, miếu Tây và miếu Bắc. Sau này do thời gian huỷ hoại, miếu Tây và miếu Bắc không còn nữa, tượng và đồ thờ tự được rước về thờ chung tại miếu Đông. Đến thời nhà Lý, Hoa Kiều trang đổi thành Hoa Chương trang, đến thời Đồng Khánh đổi thành thôn Phương Mỹ và miếu Đông được mang tên Phương Mỹ từ đó.

Miếu Phương Mỹ thờ 3 nhân vật lịch sử là Phạm Quảng, Phạm Tử Nghi và Quý Minh đại vương. Quý Minh đại vương là dũng tướng tài ba của vua Hùng Duệ Vương có công trong cuộc chiến tranh Hùng - Thục (Văn Lang - Âu Lạc).

Miếu Phương Mỹ nằm trên một cù lao nhỏ, hướng về phía Đông, phía trước là một nhánh sông (nay đã bị bồi lấp). Miếu có cấu trúc kiểu chữ đình gồm 5 gian tiền đường và 3 gian hậu cung. Do thời gian và chiến tranh tàn phá, miếu không còn giữ được nguyên trạng ban đầu mà phần lớn kiến trúc nghệ thuật còn mang đậm phong cách văn hoá triều Nguyễn. Kể từ khi ngôi đình của làng không còn nữa, miếu Phương Mỹ được coi như là ngôi đình làng. Nơi đây thường diễn ra các hoạt động văn hoá của cả làng trong các dịp tết. Miếu Phương Mỹ đã được Bộ Văn hoá thông tin quyết định công nhận là di tích lịch sử ngày 21/1/1992.

Chùa Phương Mỹ có tên chữ là là Ngọc Hoa tự - đây là địa chỉ đỏ của cao trào đấu tranh chuẩn bị tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 ở huyện Thủy Nguyên.

Chùa được dựng trên ngọn đồi thấp về phía tây bắc của thôn, nhân dân địa phương thường gọi là núi Chùa. Cuối năm 1939, đồng chí Hoàng Ngọc Lương đóng vai trò nhà sư đã gây dựng cơ sở cách mạng tại đây. Đầu năm 1945, chùa Phương Mỹ trở thành địa điểm liên lạc, hội họp và cất giấu tài liệu

cách mạng. Nhà sư Lương Ngọc Trụ có công nuôi giấu đảm bảo an toàn cho cán bộ, giúp đỡ cách mạng. Ông được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhất.

Những sự kiện lịch sử trên chứng tỏ chùa Phương Mỹ và nhân dân ở đây đã có những đóng góp quan trọng vào thắng lợi của Cách mạng tháng Tám ở huyện Thủy Nguyên và thành phố Hải Phòng.

Những di tích lịch sử văn hóa gắn với sông Bạch Đằng lịch sử:

Nói đến Thủy Nguyên trước hết phải nói đến sông Bạch Đằng, một tuyến đầu chống giặc ngoại xâm từ phía biển của đất nước. Nơi đây, Ngô Quyền năm 938 đã tiêu diệt quân Nam Hán, Lê Hoàn năm 981 diệt quân Tống. Năm 1228, cũng trên dòng sông này, Trần Hưng Đạo đã có chiến thắng oanh liệt trước giặc Nguyên - Mông. Hiện nay, Thủy Nguyên có nhiều địa danh gắn liền với chiến thắng Bạch Đằng lịch sử như : Lưu Kỳ, Lưu Kiếm,... Các di tích lịch sử gắn liền với chiến thắng Bạch Đằng là một kho tài nguyên du lịch nhân văn lớn. Việc xây dựng, phục chế lại các sự kiện lịch sử thời Trần là rất cần thiết, điều đó sẽ tạo cơ hội giới thiệu với khách du lịch bốn phương về những chiến công hiển hách của ông cha ta.

Những di tích lịch sử ở Tràng Kênh:

Khu Tràng Kênh nằm ở phía Đông Bắc huyện Thủy Nguyên là một quần thể núi đá vôi với nhiều hang động, áng hồ, cảnh trí thiên nhiên giống như vịnh Hạ Long nên được mệnh danh là “Hạ Long cạn”. Tại Tràng Kênh có núi U Bò đứng sừng sững bên dòng sông Bạch Đằng lịch sử, tương truyền nơi đây xưa kia Trần Hưng Đạo dùng làm căn cứ chỉ huy trận thủy chiến chống quân xâm lược thế kỉ XIII. Xung quanh Tràng Kênh có nhiều hang động nổi tiếng ,đặc biệt là Hang Vua ở xã Minh Tân, tương truyền rằng nơi đây vua Hùng thứ 18 đã lập lỵ cung để chống Thục Phán nên có tên là Hang Vua. Ngày nay ở chính giữa hang vẫn còn đền thờ, tượng vua được tạc bằng đá rất sinh động. Trần hang có hình nóc gác chuông nhà thờ.

Di tích văn hóa khảo cổ:

Thủy Nguyên là miền đất có chiều sâu lịch sử nay vẫn còn lưu giữ nhiều di tích văn hóa độc đáo rất đáng tìm hiểu, nghiên cứu. Di chỉ Tràng Kênh - một công xưởng chế tác đồ đá có quy mô lớn và đạt trình độ kỹ thuật tinh xảo bậc nhất thời Phùng Nguyên, cách ngày nay trên 3400 năm. Mộ cổ Việt Khê thuộc văn hoá Đông Sơn với những đồ đồng đẹp và tinh xảo chắc chắn sẽ làm thỏa mãn lòng hiếu kỳ của những du khách khó tính.

+ Những “quân cò tiên” và công xưởng làm đá:

Cách thành phố Hải Phòng ngót 20km về phía Bắc có một thị trấn mới ra đời - thị trấn Minh Đức. Ngày nay thị trấn này là trung tâm của khu di tích lịch sử văn hóa và danh lam thắng cảnh Tràng Kênh - Bạch Đằng.

Trong những năm 1969 - 1970 cán bộ nghiên cứu của Viện Khảo cổ học đã phối hợp với Sở Văn hóa Thông tin Hải Phòng (nay là Sở Văn hóa-Thể thao và Du lịch Hải Phòng) tiến hành khai quật tại địa điểm Tràng Kênh, phát hiện ở nơi đây là một công xưởng làm đồ trang sức bằng đá quý. Những “quân cò tiên” đã được giải đáp. Đó là các lõi vòng trang sức mà người thợ đá Tràng Kênh xưa đã để lại. Trên 100m² khai quật, người ta đã tìm thấy hàng ngàn hòn cuội sông dùng làm nguyên liệu. Hàng ngàn hiện vật bằng đá quý bị sứt mẻ, gãy, vỡ. Hàng trăm lõi vòng bằng đá quý có màu sắc đẹp khác nhau, có đường kính to nhỏ không giống nhau. Hàng trăm đồ trang sức như vòng tay, vòng tai, nhẫn hột chuỗi bằng đá quý. Còn có các dụng cụ dùng để chế tác đồ đá của người thợ Tràng Kênh xưa, có loại kể đến hàng trăm như riều, đục, cưa, mũi khoan bằng đá... Những điều nói trên đã khẳng định: Tràng Kênh là một công xưởng chế tác đồ trang sức bằng đá quý của người xưa.

+ ***Những ngôi mộ trong nơi ở:***

Tại địa điểm Tràng Kênh ở lớp đất cuối cùng có hố đào khảo cổ, người ta phát hiện ra 3 ngôi mộ người Tràng Kênh xưa. Trong 3 ngôi mộ kể trên thì hai mộ là người lớn và 1 ngôi mộ là trẻ em. Việc chôn cất khá đơn giản: người chết nằm ngửa, chân duỗi thẳng, tay đặt xuôi theo thân người hoặc tay

phải đặt lên hang. Đáy mộ được rải một lớp đá cuội nhỏ. Xung quanh xác chết thường được chèn bằng những tảng đá vôi ở đầu, hai vai, hông, háng và hai chi dưới. Các ngôi mộ này đều được chôn cất ở chỗ đất cao. Mộ đặt theo hướng Bắc Nam. Những hiện vật chôn theo người chết có rất ít. Một mộ có 1 rìu đá hình thang cân đặt trên bụng người chết. Mộ khác, có một bàn mài đá để ở hông bên phải.

Các hiện vật trong ngôi mộ với hiện vật ở nơi cư trú là hoàn toàn giống nhau về hình dáng và cách thức chế tác đã chứng minh cho mối quan hệ thân thuộc giữa người sống và người chết ở Tràng Kênh xưa.

+*Những nấm mồ không im lặng:*

Trên đất Thủy Nguyên đã phát hiện được một số ngôi mộ cổ, đặc biệt là ngôi mộ cổ hình thuyền ở Việt Khê.

Trước hết đó là một nhóm mộ đặc biệt gồm 5 ngôi mộ, nằm cùng hướng trên dải ruộng hẹp bên bờ sông Hàn. Nói đặc biệt vì áo quan là một phần của thân cây lớn được khoét rỗng bên trong theo hình lòng máng, đầu to, đầu nhỏ. Nhìn toàn bộ cỗ áo quan như hình một chiếc thuyền.

Cỗ áo quan lớn dài 4,6m trong lòng sâu từ 0,24 - 0,39m. Chiều rộng của đầu to là 0,76m, của đầu nhỏ là 0,57m. Nắp áo quan cũng có hình lòng máng nhưng nông hơn. Chiều cao (kể cả nắp) tới 0,6m. Cỗ áo quan nhỏ về hình dáng và cách chế tạo căn bản giống cỗ lớn, nhưng cấu trúc đơn giản và dài 4,54m.

Có rất nhiều hiện vật còn lại trong các cỗ áo quan. Trong đó các hiện vật đồ đồng thau chiếm nhiều nhất, ngoài ra còn có một ít đồ sơn và đồ gỗ, hoàn toàn vắng mặt đồ gốm. Với phương pháp tính toán bằng Cácbon phóng xạ (C14) đã cho biết những ngôi mộ thuyền Việt Khê có niên đại thế kỉ VI đến thế kỉ IV T.C.N

Với những phát hiện trên, chúng ta tiềm năng du lịch nhân văn của Thủy Nguyên là rất lớn. Nếu biết kết hợp với các tài nguyên khác thì Thủy Nguyên sẽ là điểm đến hấp dẫn của du khách trong tương lai không xa [12].

2.2.2- Các lễ hội

Hầu hết các làng xã ở Thủy Nguyên đều có các ngày lễ hội riêng của mình. Ở xã Minh Đức có ngày lễ mừng 6 tháng giêng thờ Trần Quốc Bảo; Kiền Bái có lễ hội vào mừng 10 tháng 11 âm lịch thờ cúng Thành hoàng làng; Lâm Động có hội chùa 17 tháng giêng; Phù Ninh có hội chùa vào 26 tháng Giêng... Các ngày lễ hội trên nhân dân trong xã thường làm cỗ mang lên đình, chùa, miếu để cúng.

Đáng chú ý nhất là một số ngày hội mang tính tiêu biểu và có nhiều chất sinh hoạt văn hóa là hội Mở mắt, hội Hát Đúm ở Phục Lễ; hội Hát ca trù ở Đông Môn, hội chùa Chính Mỹ, hội Du xuân.

☼ Hội du xuân

Hàng năm, vào dịp Tết, nhiều nơi ở huyện Thủy Nguyên như: Thiên Hương, Thủy Sơn, Thủy Đường, An Lư, Hòa Bình, Thủy Triều, Tam Hưng... thường tổ chức vui xuân bằng cách trồng cây đu quen thuộc.

Theo truyền ngôn của các già làng địa phương huyện Thủy Nguyên thì đu xuân ở đây đã có từ lâu. Đây là một trong những trò chơi của ngày hội xuân khá hấp dẫn, là trò chơi thể thao dân tộc và được tuổi trẻ rất thích, là dịp để trai, gái gặp gỡ nhau.

Trước ngày hội, khoảng 28 đến 29 tháng Chạp âm lịch tại các bãi đất khô ráo, rộng rãi mỗi địa phương đều trồng từ một đến nhiều cây đu trên nhiều địa điểm khác nhau. Họ chọn cây tre to, dài, để trồng đu. Một cây đu có thể được trồng bởi 4-6 cây tre to. Cành đu cũng là những cây tre dài nhưng thon nhỏ, thường phải là tre đực để lúc người đu nắm vào cho gọn và chắc tránh xảy ra trượt hay tuột tay lúc đu nhanh, mạnh.

Chơi đu cũng giống như một cuộc đua tài đòi hỏi ở bạn sự nhanh nhẹn, tháo vát, dẻo dai và cả sự dũng cảm. Khi một người lên cành đu có thể nhờ một người khác đẩy cho mình có đà. Sau đó là tự người đu nhún tùy ý. Muốn đu được cao, đu đẹp, đu lâu phải có sức khỏe dồi dào và luyện tập công phu. Bắt đu cũng cần phải biết cách và có sức khỏe, nếu không đu vắng sẽ bị ngã,

người nào mà bắt được đu thì không ai tranh nữa. Đó là quy định chung của hội, khi đu lúc muốn xuống phải báo hiệu cho mọi người biết bằng cách khép tay đu lại vòng qua ngực.

Tùy theo sở thích, bạn có thể chọn đu một người, hoặc đu đôi nam nữ, một trai một gái. Nhưng đẹp nhất vẫn là đu đôi, các đôi trai gái ưng ý lựa chọn nhau lên đu, người nhún người đẩy. Tài năng và lòng dũng cảm của các chàng trai cô gái được phô bày ở đây như dịp tự thể hiện bản thân. Hồ Xuân Hương đã miêu tả trò chơi đu rằng:

*"Bốn mảnh quần hồng bay phấp phới
Đôi hàng chân ngọc duỗi song song."*

Chơi đu xuân là một trò chơi thể thao dân tộc có từ lâu đời được tuổi trẻ rất thích, là dịp trai gái gặp gỡ nhau thi tài tìm hiểu và cũng là một nét văn hóa đậm sắc dân gian của người dân nơi đây[6].

2.2.3- Nghề và làng nghề thủ công

Nghề thủ công truyền thống cũng là loại hình tài nguyên du lịch du lịch nhân văn quan trọng và có sức hấp dẫn đối với khách du lịch. Nghề thủ công với những sản phẩm độc đáo không chỉ thể hiện tài năng khéo léo của người lao động mà còn thể hiện tư duy và những tâm tư tình cảm của con người.

Thủy Nguyên có một số nghề thủ công truyền thống như : đúc đồng, đúc gang, mây tre đan, nghề cói, thêu ren... Mỗi nghề đều có lịch sử phát triển lâu dài và khá độc đáo.

☼ Nghề đúc

Những người thợ đúc huyện Thủy Nguyên ngày nay đang làm rạng rỡ cho ngành đúc của Hải Phòng. Các sản phẩm đúc của làng Mỹ Đồng, của hai HTX Phương Thành, Quyết Thắng đang phục vụ cho cơ sở kinh tế của Nhà nước và các ngành xây dựng, GTVT, nông nghiệp, công nghiệp và tiêu dùng.

Lần về cội nguồn của nghề đúc, các cụ già còn sống kể lại nghề đúc Mỹ Đồng đã có cách đây gần 200 năm, nghề đúc đã bắt đầu xuất hiện ở thôn Phương Mỹ. Một số cụ trong làng đã mời thợ đúc từ làng Yên Trì (Quảng

Yên) về đúc lưỡi cày phục vụ cho nghề nông. Từ đó dân làng đã học và mở thử lò đúc nhưng rất nhiều người không thành công, người làm thử đầu tiên là ông Hậu Khi. Lúc bấy giờ việc đúc gang rất thô sơ: nồi nấu nhỏ liền đáy, nhiên liệu là than hoa ,nguyên liệu là gạch vụn. Khi đổ vào khuôn bê cả lò để đổ, sau ông Hậu Khi đến ông Thiết nhưng việc đúc cũng không thành công. Nguyên nhân là do chưa nắm được công thức phối liệu và kết cấu bố trí của lò nấu.

Đến đời ông Nguyễn Văn Cẩu cũng đã chuyên tâm nghiên cứu rồi làm thử không thành công, nhưng ông và một số người khác không nản chí. Lúc đầu đúc các ống xe ba gác, xe tay và các vật nhỏ có chiều dài lớn...dần chuyển sang đúc lưỡi cày, nồi gang. Từ lúc thành công nghề đúc Phương Mỹ bắt đầu có tiếng sang cả những vùng lân cận. Nhiều người đến làm thuê và đã học”lỏm” được chút ít kinh nghiệm.Cứ như vậy nghề đúc Phương Mỹ lan rộng đến nhiều gia đình.

Vào năm 1918 - 1920, ở thôn Phương Mỹ đã có tới hơn 20 lò đúc, lúc này có tiến bộ mới là nhiên liệu than đá bắt đầu đưa vào nấu thử thay than hoa.Sau một thời gian dài lò nấu đã được cải tiến với dung tích chứa lớn hơn. Từ những tiến bộ kỹ thuật đó sản phẩm của Phương Mỹ càng nổi tiếng các vùng gần xa.Những năm sau đó nghề đúc Phương Mỹ lan sang thôn Đồng Lý. Nghe theo tiếng gọi của Đảng đã bí mật đúc rèn vũ khí, các chi tiết máy in cho cách mạng.

Triển vọng nghề đúc truyền thống Thủy Nguyên đang phát huy thế mạnh của mình.Dưới sự chỉ đạo và quan tâm chặt chẽ của Nhà nước, nghề đúc truyền thống Thủy Nguyên đang bùng nổ hết tài hoa của mình.

Nghề gốm sứ

Đây là nghề cổ ở Thủy Nguyên tập trung tại xã Minh Tân. Qua các di chỉ khảo cổ Tràng Kênh người ta đã thu lượm hàng vạn mảnh gốm với nhiều hình thức trang trí, chứng tỏ đây là một công xưởng chế tác nhiều loại gốm với chất lượng cao.

Để tạo được sản phẩm người làm gốm phải nghiên cứu chất liệu đất sét để pha chế cho phù hợp. Các sản phẩm được tạo ra đều cân đối hài hòa. Ngoài các sản phẩm chủ yếu như nồi, bình, bát, ấm chén... thì người dân nơi đây còn làm cả gạch ngói, phù điêu...

Quá trình tạo sản phẩm gốm gồm hai giai đoạn : gốm mộc và đui lửa.

Trải qua nhiều năm những sản phẩm gốm Minh Tân vẫn được nhiều người ưa thích.

☼ **Nghề mây tre đan**

Đây là một nghề cổ truyền của xã Chính Mỹ. Theo các cụ trong làng kể lại xưa đây là một vùng rừng núi, tre vầu...mọc rất nhiều. Để phục vụ cho công việc nhà nông người dân trong làng đã tận dụng nguồn nguyên liệu này làm ra các sản phẩm như thúng, nong, nia theo các mẫu đan hình thoi, hình chữ nhật, xương cá. Ngày nay nghề này vẫn được duy trì, có tới 80 % dân làng tham gia sản xuất.

Có thể nói những làng nghề truyền thống này là vốn quý ở Thủy Nguyên, là tài nguyên quan trọng để phát triển du lịch sau này. Vấn đề ở đây là phải biết đầu tư quy hoạch để tận dụng và khai thác tài nguyên đó hợp lý.

2.2.4- Văn hoá nghệ thuật cổ truyền

☼ **Hát đúm ở Thủy Nguyên:**

Hát Đúm được sản sinh ra và tập trung chủ yếu ở vùng nông nghiệp. Gia đình nào cũng có vài ba nong tầm, một vài đám ruộng trồng bông và đặc biệt là khung cửi. Nghề dệt vải trở thành một nghề riêng của người phụ nữ. Tiếng xa quay, tiếng thoi đưa đều đều tạo nên âm hưởng gợi cảm khiến những cô thợ dệt, những bà mẹ quay xa cảm hứng bật lên tiếng hát. Tiếng hát ban đầu chỉ là những bài hát ru, những câu ca dao tự cất lên, tự mình hát, tự mình nghe để cho không khí làm việc vui hơn. Tiếng hát trong trẻo của các cô thiếu nữ đã lay động tâm hồn của mỗi người, đặc biệt là các chàng thanh niên. Họ cũng muốn hát, muốn đối đáp họ cũng tìm cách học câu hát, học cách hát. Tiếng hát của phụ nữ lúc này không còn là tiếng hát đơn lẻ nữa, mà đã có sự đối đáp của các

chàng trai. Những buổi hát ví von, đối đáp nhau như vậy dần dần được gọi là “hát Ví”. Hát Ví phát triển theo hình thức ấy cho đến khi Phục Lễ được xây dựng, ngày hội và những cuộc hát ấy mới được gọi là “hát Đúm”.

Và cũng như lao động trên bãi biển, phơi mình dưới nắng gió biển khô giòn, buộc họ phải chống đỡ với xém bỏng sùi da cháy má, nẩy sinh tục che mặt bằng khăn bịt má. Chỉ sau Tết xuân, vào hội hát Đúm các cô gái mới mở mặt chơi hội tạo thành hội “Mở mặt”:

“Tháng Giêng hội Phục, Thủy Nguyên

Mùa xuân hát Ví cho nên hẹn hò.”

Cũng từ đây hội Mở mặt cùng với hát Đúm giúp giải tỏa tâm tư trĩu nặng âm thầm lao động cực nhọc, đã một năm chơi có một mùa... được thả hồn giao tình kết bạn và tự do gửi gắm những khao khát có cuộc sống trần gian tựa cảnh thiên đường.

Việc tổ chức hát Đúm thường được diễn ra tại các quán hàng, ngoài đường, trong các ngõ xóm nam nữ chia làm hai bên, con gái cầm nón che mặt quay thành vòng tròn, giấu kín mặt, con trai cầm ô hát đối với nhau.

Lời hát thường là câu thơ hoặc văn vần do người hát nghĩ ra hoặc vận ở các sách đã học thuộc. Làn điệu của hát Đúm khá đơn giản, con trai hát giọng thổ theo làn điệu na ná hát Trống quân, con gái hát giọng kim.

Trình tự của cuộc hát Đúm thường là hát gặp gỡ, hát chào, hát mừng, hát hỏi, hát mời trầu, hát cưới, kết thúc là hát tiễn, hát ra về.

Nội dung của câu hát thường bắt đầu bằng câu hát chào, thăm hỏi quê quán, nghề nghiệp, gia đình... ví dụ người con trai có thể hát hỏi :

“Lạ lòng anh hỏi dò la

Đào Nguyên lạc lối đâu mà tới đây?”

Hay người con gái có thể hát hỏi :

“Ở nhà em mới tới đây

Lạ thông, lạ thổ, em nay lạ nhà.

Ba anh em lạ cả ba

Bốn anh là bốn, em biết là quen ai?”

Sau khi hát giao tiếp, thăm hỏi lẫn nhau thì chuyển lời hát thách đố nhau về các vấn đề của cuộc sống, của lịch sử, cuộc hát chỉ kết thúc khi nào một bên không thể giải đáp, trả lời được bên kia.

Nếu bên trai thua thì bên gái lấy khăn xếp, ô che. Nếu bên gái thua thì bên trai có quyền lấy khăn bịt mắt của các cô gái:

*“Em thua thì nón em đây
Anh thua thì mất cả giày lẫn ô”*

Rõ ràng hát Đúm ở đây là một loại hình văn hóa nghệ thuật dân gian, một bản sắc dân tộc Việt. Trải qua bao đời đã kết tinh và sáng tạo đến cao điểm chân, thiện, mỹ thành những bữa tiệc tinh thần, thi tài khoe sắc, vừa phong phú vừa đa dạng, đầy hấp dẫn quyến rũ. Nó còn nói lên loại hình nghệ thuật dân gian này là món ăn bình dân của người lao động chân tay, luôn đầy sức sống và được duy trì phát triển [6].

2.2.5-Công trình đương đại

Đó là quần thể khu nghỉ dưỡng cao cấp Sông Giá Complex Resort tại xã Lưu Kiếm, huyện Thủy Nguyên, Hải Phòng. Sau khi dự án này hoàn thành thì nơi đây sẽ là khu vui chơi giải trí, là những căn hộ cao cấp hay văn phòng cho thuê, là khu nghỉ dưỡng của Hải Phòng... Trong đó phải kể đến sân golf 27 lỗ, có tổng diện tích mặt bằng khoảng 323.871 m², nằm trong quần thể khu du lịch này sẽ chính thức khánh thành vào tháng 7 năm 2010. Đây được xem là sân golf đẹp nhất vùng Đông Bắc Bộ hiện nay. Đây cũng được coi là một tài nguyên du lịch đặc biệt của Thủy Nguyên vì khác với các tài nguyên du lịch nhân văn nói trên mang tính chất dân gian truyền thống thì tài nguyên du lịch này lại mang tính chất hiện đại.

Trong tương lai khi tổ hợp này đưa vào khai thác thì đó sẽ là một nơi thu hút khách du lịch của huyện Thủy Nguyên nói riêng và Hải Phòng nói chung.

2.2.6- Đánh giá tài nguyên nhân văn ở huyện Thủy Nguyên

- Về độ hấp dẫn của tài nguyên:

Huyện Thủy Nguyên là một huyện lớn của thành phố Hải Phòng nơi tập trung nhiều di tích lịch sử - văn hoá như: đình Kiền Bái, đền Lê Ích Mộc, chùa Hoàng Pha, đình và chùa Trịnh Xá, miếu Phương Mỹ, đền Quảng Cư, miếu Thủy Tú, đình An Lư, hang Lương, hang Vua, cụm di tích khu vực Bạch Đằng - Tràng Kênh... Trong đó có nhiều di tích đã được công nhận là di tích lịch sử văn hoá cấp quốc gia. Các di tích lịch sử nơi đây thường toạ lạc ở những vị trí có thiên nhiên kì thú tạo nên các danh thắng đẹp nổi tiếng bậc nhất của Hải Phòng. Vì vậy rất thích hợp cho việc phát triển du lịch văn hoá, hoặc kết hợp du lịch văn hoá với du lịch cuối tuần, du lịch tự nhiên, du lịch kết hợp học tập nghiên cứu...

Về các điểm có mức độ rất hấp dẫn phải kể tới: đền thờ Trạng nguyên Lê Ích Mộc, đền thờ Trần Quốc Bảo, đình Kiền Bái, lễ hội Hát Đúm, lễ hội Đu xuân, di chỉ Việt Khê, di chỉ Tràng Kênh, làng nghề đúc Mỹ Đồng, làng nghề vận tải biển An Lư, mây tre đan Chính Mỹ, làng cau Cao Nhân. Ở mức độ trung bình gồm có: chùa Câu Tử Ngoại, chùa Lâm Động, chùa Lôi Động, cụm di tích Liên Khê, hệ thống điểm du lịch ở xã Minh Tân. Ở mức độ kém hấp dẫn gồm có hệ thống các di tích ở các xã: Hoà Bình, Lưu Kiếm, Kênh Giang, Tân Dương...

- Về thời gian hoạt động du lịch:

Đối với loại hình du lịch văn hoá, do đặc điểm của tài nguyên nhân văn là không bị ảnh hưởng bởi tính mùa vụ cho nên hoạt động du lịch của loại tài nguyên này là không giới hạn, nhất là loại hình du lịch tham quan các di tích lịch sử văn hoá. Đối với loại hình du lịch lễ hội thì lại phụ thuộc vào thời gian diễn ra lễ hội, thường được tổ chức vào những tháng đầu năm. Vì vậy mà ta có thể tổ chức hoạt động du lịch bất kì lúc nào trong năm tại các di tích. Tuy nhiên các lễ hội như hát Đúm, Đu xuân, hội chùa phải tổ chức vào đầu năm.

- Về hiệu quả kinh tế:

Theo nghiên cứu thì nhìn chung hoạt động du lịch hiện nay tại huyện Thủy Nguyên đem lại hiệu quả kinh tế chưa cao so với tiềm năng sẵn có của nó. Chỉ có một vài điểm thu hút đông khách du lịch đó là: đền thờ trạng nguyên Lê Ích Mộc, đền thờ Trần Quốc Bảo, đình Kiền Bái, lễ hội hát Đúm, lễ hội đu xuân, di chỉ Việt Khê, di chỉ Tràng Kênh, làng nghề đúc đồng ở Mỹ Đồng. Còn lại nhìn chung là rất kém, nhưng trong tương lai có thể đổi khác, nếu chúng ta tập trung phát triển đúng hướng.

- Cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch:

Những năm gần đây, cơ sở hạ tầng của Thủy Nguyên có nhiều tiến bộ. Huyện đã chỉ đạo các ban ngành thực hiện xong quy hoạch chi tiết thị trấn Núi Đèo, thị trấn Minh Đức, khu đô thị Bắc Sông Cấm và lập dự án khai thác tài nguyên hồ Sông Giá. Ngoài ra, huyện còn tiến hành xây dựng 2 nhà máy nước loại nhỏ ở xã Tân Dương, Lập Lễ, xây dựng hệ thống cấp nước ở Lại Xuân, xây dựng 60 bể xử lý chất thải chăn nuôi góp phần cải thiện môi sinh. Tổng mức vốn đầu tư xây dựng cơ bản năm 2002 đạt 50,5 tỷ đồng.

Hệ thống giao thông vận tải phát triển khá mạnh về số lượng và chất lượng, cải thiện 1 bước nhu cầu vận chuyển hàng hoá và đi lại của nhân dân. Bên cạnh đó, công tác quản lý phương tiện, giải toả hành lang an toàn giao thông được tăng cường, thường xuyên thực hiện chế độ duy tu, sửa chữa hệ thống đường sá. Năm 2002, huyện đã tiến hành cải tạo, nâng cấp 30 km đường, trong đó có 4,6 km đường huyện quản lý và 25,4 km đường liên thôn, xóm, xã.

Đến nay, huyện Thủy Nguyên đã cơ bản hoàn thành việc bàn giao lưới điện trung áp ở các xã, thị trấn, đưa vào sử dụng 5 công trình bằng nguồn vốn phụ thu và một phần đóng góp của nhân dân trị giá 644 triệu đồng. Bên cạnh đó, ngành Bru điện Thủy Nguyên cũng đạt được nhiều bước tiến vượt bậc. Trang thiết bị được đầu tư mới khá hiện đại, số lượng máy mới được lắp đặt tăng nhanh, đạt 2,86 máy/100 dân.

Vì vậy, phần lớn các điểm du lịch văn hoá đều được đánh giá có cơ sở hạ tầng ở cấp độ tương đối tốt. Nhưng vẫn chưa đáp ứng nhu cầu của các hãng lữ hành, vì đường vào di tích vẫn bị hẹp, chưa thuận tiện cho các đoàn khách lớn.

Về cơ sở vật chất phục vụ du lịch, hiện nay ở Thủy Nguyên có ba khách sạn tư nhân, trong đó có hai khách sạn với mức độ tiện nghi trung bình, một khách sạn 2 sao. Đó là khách sạn Cty View (Tân Dương), Toàn Minh (Núi Đèo), My Sơn (Minh Đức). Số lượng như vậy là quá ít, chất lượng chưa đạt yêu cầu. Về phân bố, chúng nằm khá xa những điểm du lịch văn hoá, nên chưa thuận lợi cho phát triển du lịch.

- Về sức chứa khách du lịch:

Khu vực Bắc sông Cấm và khu vực sông Bạch Đằng có sức chứa khá lớn. Khu vực phía Bắc huyện có sức chứa trung bình. Khu vực trung tâm huyện có sức chứa kém.

- Vị trí và khả năng tiếp cận của điểm du lịch:

Vị trí và khả năng tiếp cận được đánh giá qua các chỉ tiêu về khoảng cách thời gian đi đường, chất lượng các loại phương tiện có thể sử dụng. Các di tích lịch sử văn hoá của huyện Thủy Nguyên nằm tương đối gần nhau và ta có thể dễ dàng di chuyển, hệ thống đường nhựa đảm bảo tốt cho quá trình vận chuyển. Bên cạnh đó hầu hết những di tích đều nằm ven sông vì vậy ta có thể dễ dàng vận chuyển bằng đường thủy.

Tiểu kết Chương 2: Nhìn một cách tổng quát thì các tài nguyên du lịch văn hoá của huyện khá thuận tiện cho việc đưa vào khai thác phục vụ phát triển du lịch. Nếu biết cách khai thác thì việc phát triển du lịch văn hóa của huyện sẽ trở nên dễ dàng hơn rất nhiều.

CHƯƠNG III

TÌNH HÌNH KHAI THÁC TÀI NGUYÊN DU LỊCH NHÂN VĂN HUYỆN THỦY NGUYÊN PHỤC VỤ CHO PHÁT TRIỂN DU LỊCH

3.1- HOẠT ĐỘNG DU LỊCH TRONG THỜI GIAN QUA

3.1.1- Tình hình chung

Với tài nguyên du lịch phong phú, Thủy Nguyên có thể phát triển mạnh các loại hình du lịch sinh thái, du lịch nghỉ dưỡng cuối tuần, du lịch văn hóa, lễ hội, thể dục thể thao... Các loại tài nguyên du lịch Thủy Nguyên đang được tổ chức khai thác là:

- Du lịch tham quan các danh lam thắng cảnh: hang Vua, hang Lương, hang Luồn, hang Ma, du thuyền sông Giá...

- Du lịch tham quan các di tích lịch sử - văn hoá như: đền Trần Quốc Bảo, đền An Lư, đình Kiền Bái, đền thờ Trạng nguyên Lê Ích Mộc, chùa Lâm Động, chùa Mỹ Cù...

- Du lịch tham quan kết hợp nghiên cứu, khảo cổ: khu mộ cổ Việt Khê, khu di tích Thành nhà Mạc, di chỉ khảo cổ Tràng Kênh, khu di tích bãi cọc Bạch Đằng...

Tuy nhiên huyện vẫn chưa xác định du lịch là một ngành mũi nhọn, do vậy ngành này chưa có sự chủ động đầu tư của huyện, mà chủ yếu là của thành phố và một số công ty tư nhân khác. Đó cũng là một khó khăn đối với việc phát triển du lịch của huyện.

3.1.2- Lượng khách và doanh thu du lịch

3.1.2.1- Lượng khách

Hiện nay ở huyện Thủy Nguyên chưa có bộ phận nào chịu trách nhiệm về việc theo dõi và thống kê số lượng khách cụ thể. Tuy vậy, Ban quản lý ở một số di tích và danh lam thắng cảnh của địa phương cũng đã có những cố gắng theo dõi và ghi lại số liệu về lượng khách hàng năm đến với cơ sở của mình.

Đền Trần Quốc Bảo trung bình hàng năm có khoảng 30.000 khách, trong đó có khoảng 3% khách quốc tế. Đình Kiền Bái thu hút hàng năm khoảng 20.000 khách, trong đó có khoảng 5% khách quốc tế. Làng nghề trồng cau Cao Nhân mỗi năm cũng đón hơn 1000 khách, trong đó có 10% khách quốc tế, riêng tháng 3/2010 đã đón 60 khách du lịch nước ngoài đến tham quan. Lượng khách nội địa đến với các đình, chùa, đền, miếu tập trung cao vào các ngày lễ hội, nhất là những ngày đầu xuân, sau Tết nguyên đán, có ngày tới mấy ngàn người, chủ yếu là khách đi lễ. Khách quốc tế đến rải rác trong năm, chủ yếu do các công ty lữ hành tổ chức. Các danh lam thắng cảnh nổi tiếng như: sông Bạch Đằng, hang Vua, sông Giá... cũng thu hút được khá nhiều người đến tham quan, vào dịp hè mỗi ngày, mỗi nơi có từ 5 - 10 đoàn tới thăm.

- Thị trường khách

+ *Khách nội địa:*

Khách du lịch nội địa đến với Thủy Nguyên chủ yếu là những học sinh, sinh viên của Hải Phòng hoặc các tỉnh giáp ranh. Với trí tò mò và lòng ham mê khám phá, họ thường tự tổ chức các chuyến đi về quê vào dịp hè, cuối tuần hay thời gian đầu xuân mới. Những người dân địa phương, người dân các vùng lân cận như Hải Dương, Quảng Ninh, Thái Bình, Hà Nội... cũng thường ghé thăm nơi đây khi thực hiện các chuyến hành hương về Yên Tử hay Cửa Ông.

+ *Khách quốc tế:*

Phần lớn khách du lịch quốc tế là những người nước ngoài sống và làm việc tại các khu công nghiệp của Hải Phòng, Hải Dương, Hưng Yên. Thành phần chủ yếu là người Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Hà Lan, Philippin... Nhu cầu du lịch của họ rất đa dạng: tham quan, du ngoạn, nghỉ dưỡng cuối tuần, nhu cầu khảo cổ, sinh hoạt văn hoá lễ hội... Đôi khi họ có những tour nghiên cứu và tìm hiểu về các chợ xưa tại huyện.

3.1.2.2- Doanh thu

Thực tế cho thấy huyện không thể thống kê được doanh thu hàng năm từ du lịch của huyện là bao nhiêu. Đây thực sự không phải là một điều dễ dàng. Nhưng với tài nguyên du lịch đang ở dạng tiềm năng như huyện Thủy Nguyên thì doanh thu hàng năm từ du lịch cũng không lớn lắm. Theo tài liệu mà em thu thập được thì doanh thu của huyện trong thời gian gần đây vào khoảng 3 – 5 tỉ đồng/năm.

3.1.3- Cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch

Hiện nay ở Thủy Nguyên có ba khách sạn tư nhân, trong đó có hai khách sạn với mức độ tiện nghi trung bình, một khách sạn 2 sao. Đó là khách sạn Cty View (Tân Dương), Toàn Minh (Núi Đèo) và My Sơn (Minh Đức). Thủy nguyên có khá nhiều nhà hàng phục vụ ăn uống, nhưng hầu hết đều nhỏ và chất lượng còn hạn chế. Chưa có nhà hàng nào đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch quốc tế với đúng yêu cầu đặt ra.

3.2- TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN DU LỊCH VĂN HÓA TRONG THỜI GIAN QUA

3.2.1- Tình hình chung

- Hiện nay thì huyện đã phối hợp cùng một số doanh nghiệp lữ hành uy tín bên Hải Phòng tổ chức thành công một số tuyến du lịch văn hóa như :

+Tour “Du khảo đồng quê”: HP - Lâm Động - Đình Kiền Bái - Cao Nhân - HP (hoặc Quảng Ninh)

+Tour danh thắng + tâm linh: HP - Đình Kiền Bái - Xi măng Hải Phòng - Đền thờ Trần Quốc Bảo - Đền tưởng niệm nhà Trần nhà Lê.

- Hiện nay chưa có một bộ phận nào của huyện chuyên trách về hoạt động du lịch văn hóa. UBND huyện chỉ giao cho Phòng Văn hoá Thông tin nhiệm vụ quản lý và tổ chức các lễ hội lớn: lễ hội Đền thờ Trần Quốc Bảo, đền thờ Trạng Nguyên Lê Ích Mộc, lễ hội Kỷ niệm chiến thắng quân Nguyên Mông trên sông Bạch Đằng lịch sử...còn đối với các lễ hội thông thường thì

các xã lại uỷ nhiệm cho các Ban Thông tin, Ban Quản lý của địa phương tại các di tích có trách nhiệm trông coi, bảo vệ, mở hội.

- Các điểm du lịch đã và đang được khai thác hiện tại lại chưa được các địa phương bảo tồn, còn nặng về quản lý theo cách trông coi. Chẳng hạn như đền thờ trạng nguyên Lê Ích Mộc, một điểm du lịch đang trong quá trình hoàn thiện không có người thường trực đón tiếp khách. Các hoạt động du lịch văn hoá ở đây đa số mang tính tự phát, chưa có đầu tư nghiêm cứu thị trường, chưa có các hoạt động quảng bá để thu hút khách...

3.2.2- Nhận xét về nguyên nhân tồn tại

- Số lượng chương trình nghiên cứu đánh giá tài nguyên du lịch còn hạn chế, mới chỉ có một số nghiên cứu về du lịch sinh thái, khu sân golf cao cấp... còn các di tích gần như bị lãng quên.

- Quy hoạch du lịch hiện nay là một vấn đề cấp bách đối với huyện, bởi hiện nay chưa có một quy hoạch cụ thể, chính thức khoanh vùng hoặc xây dựng các tuyến điểm để phục vụ du lịch.

- Cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch của huyện vẫn chưa phát triển đồng bộ. Hiện mới chỉ có đường quốc lộ số 10 chạy qua Thủy Nguyên sang Quảng Ninh. Có một số tuyến đường do dân địa phương tự làm nhưng chất lượng không cao, trọng tải kém. Có một số bến để đón khách nhưng khá sơ sài.

- Các điểm du lịch văn hoá hầu hết đang xuống cấp cần sự đầu tư đúng mức của các nhà hảo tâm và chính quyền địa phương cũng như thành phố. Một số điểm du lịch văn hoá được tu sửa song kiến trúc nghệ thuật đậm nét dân tộc đã bị phá huỷ. Những cột gỗ lim lâu năm đã được thay thế bằng những cột xi măng đồ sộ. Những bức phù điêu tinh tế đã không còn. Đó là sự đầu tư thiếu hiểu biết về văn hoá, làm giảm giá trị lịch sử của khu di tích.

Vấn đề về đội ngũ lao động chuyên nghiệp trong lĩnh vực du lịch của huyện cũng là một vấn đề khá là mới mẻ, vì trên địa bàn huyện chưa có một tổ chức nào chuyên trách về du lịch.

Vấn đề môi trường đang là một mối lo ngại lớn đối với việc phát triển du lịch ở Thủy Nguyên trong hiện tại và tương lai. Hiện nay các dãy núi đá vôi đang bị khai thác một cách bừa bãi, các nhà máy gạch, xi măng, và các lò vôi xả khí thải làm ô nhiễm môi trường xung quanh gây nên hậu quả khá nghiêm trọng ảnh hưởng rất lớn tới hoạt động du lịch.

Tiểu kết Chương III :

Qua chương này cho ta thấy tình hình phát triển du lịch nói chung và du lịch văn hóa nói riêng ở huyện Thủy Nguyên còn nhiều bất cập. Do vậy huyện cần có những giải pháp cụ thể để có thể đưa du lịch của huyện, đặc biệt là loại hình du lịch văn hóa có thể phát triển hơn xứng đáng với tiềm năng du lịch của huyện.

CHƯƠNG IV

MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM ĐẨY MẠNH SỰ PHÁT TRIỂN DU LỊCH VĂN HOÁ Ở HUYỆN THỦY NGUYÊN TRONG THỜI GIAN TỚI

4.1- ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN DU LỊCH VÀ DU LỊCH VĂN HOÁ Ở HUYỆN THỦY NGUYÊN ĐẾN NĂM 2020

Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch thành phố Hải Phòng thời kỳ 2006 - 2010 và định hướng đến 2020 [10] đã xác định: xây dựng Thủy Nguyên thực sự trở thành vùng phát triển du lịch thứ 3 của thành phố sau Cát Bà và Đồ Sơn. Do vậy nhiệm vụ trong những năm tới là phát triển vùng Thủy Nguyên thành một cụm du lịch liên hoàn, bổ sung và làm phong phú thêm các sản phẩm du lịch của vùng nội thành. Cần xây dựng các điểm du lịch như: Hồ sông Giá, khu thị trấn Núi Đèo, đảo Vũ Yên, di tích chiến thắng lịch sử Bạch Đằng, khu đền thờ Trần Quốc Bảo, di chỉ Tràng Kênh, Việt Khê, khu Trạng Nguyên Lê Ích Mộc, đình Kiền Bái, chùa Lâm Động, Cần khai thác tốt dải rừng ngập mặn phía đông nam, hát đúm, làng nghề truyền thống, du lịch điền dã. Tại đây cũng có sự kết hợp giữa cảnh quan di tích với các lễ hội như hội làng Phục Lễ, hội hát đúm, hội đền Dẹo và nhiều làng nghề truyền thống như đúc đồng Mỹ Đông...trong khung cảnh nông thôn vùng duyên hải. Đây cũng chính là thế mạnh để phát triển các sản phẩm du lịch đặc trưng của cụm du lịch này đối với du lịch Hải Phòng.

- Những tài nguyên du lịch đặc sắc của cụm du lịch cho phép có những sản phẩm du lịch sau: Tham quan thắng cảnh; Lễ hội; Tham quan làng nghề; Tham quan nghiên cứu các di tích lịch sử văn hóa; Thể thao, vui chơi, giải trí.

- Các hướng khai thác du lịch của cụm: Du lịch tham quan nghiên cứu; Du lịch thể thao; Du lịch cuối tuần; Du lịch hàng động.

- Các định hướng cụ thể cho từng doanh nghiệp:

+ Phát triển du lịch hồ sông Giá với các loại hình: Du lịch nghỉ dưỡng cuối tuần; Du lịch sinh thái nông thôn :làng xã - sông - ven biển.

+ Phát triển du lịch vùng Đông Nam Thủy Nguyên với các loại hình: Du lịch nghỉ dưỡng cuối tuần; Du lịch sinh thái nông thôn; Du lịch văn hóa, lịch sử và kinh tế.

+ Phát triển vùng du lịch trung tâm Thủy Nguyên với các loại hình: Du lịch nghỉ dưỡng cuối tuần; Du lịch sinh thái nông thôn: đồi, vườn; Du lịch văn hóa, lịch sử; Hoạt động thể dục thể thao.

+ Phát triển du lịch vùng Tây Nam với các loại hình: Du lịch nghỉ dưỡng cuối tuần; Du lịch văn hóa, di tích lịch sử; Du lịch sinh thái nông thôn; Miệt vườn, nhà vườn (cau, trầu, bưởi...).

+ Phát triển du lịch vùng phía Bắc Thủy Nguyên với các loại hình: Du lịch nghỉ dưỡng cuối tuần; Du lịch sinh thái ven sông Đá Bạc, Bạch Đằng; Du lịch văn hóa, lễ hội, lịch sử và kinh tế.

4.2- MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM ĐẨY MẠNH SỰ PHÁT TRIỂN DU LỊCH VĂN HOÁ Ở HUYỆN THỦY NGUYÊN TRONG THỜI GIAN TỚI

4.2.1- Giải pháp quản lý

- Căn cứ vào Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Hải Phòng thời kỳ 2006 - 2010 và định hướng đến 2020 và Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Thủy Nguyên thời kỳ 2006 - 2010 và định hướng tới năm 2020 để tiến hành xây dựng Quy hoạch tổng thể và chi tiết cho phát triển du lịch và du lịch văn hoá văn hóa huyện Thủy Nguyên, quy hoạch tổng thể và chi tiết cho từng xã và từng điểm du lịch văn hóa.

- Thành lập Bộ phận Du lịch thuộc Phòng Văn hoá, Thông tin, Thể thao và Du lịch của huyện để tham mưu cho UBND huyện về quản lý Nhà nước về du lịch và Kinh doanh du lịch trên địa bàn huyện.

- Có sự tham ra cộng đồng địa phương vào việc khai thác du lịch đối với các di tích lịch sử văn hoá.

+ Ngành du lịch hiện nay đang từng bước phát triển thì bên cạnh việc nhà nước ban hành chính sách khuyến khích đầu tư thì mỗi người dân cũng phải có ý thức đóng góp nhằm giữ gìn và khai thác các di tích lịch sử văn hoá phục vụ cho du lịch thực hiện phương châm "nhà nước và nhân dân cùng làm".

+ Ở các di tích phục vụ cho du lịch tâm linh là chủ yếu thì các nghi lễ, thủ tục đón tiếp khách, mở cửa đón khách và nhân dân còn nhiều lúng túng. Một số điểm dân cư địa phương nhất là tầng lớp thanh thiếu niên tụ tập quanh những khu vực đông người, nhất là các lễ hội ở các di tích, có những hành vi, câu nói không văn hóa ảnh hưởng lớn tới khí linh thiêng của lễ hội. Chính quyền địa phương cần lưu tâm đến vấn đề hạn chế này.

+ Ở các di tích nhất là khi có lễ hội cần được chấn chỉnh và quản lý chặt chẽ hơn trong mọi hoạt động để hạn chế những tiêu cực giúp người dân có được niềm vui và lòng tin khi tham ra công đức tu bổ di tích cũng như khi đang dâng hương tại các di tích. Các cơ quan chức năng và chính quyền địa phương nên vào cuộc sát sao hơn, nên nhanh chóng và có biện pháp dẹp bỏ các hiện tượng ăn xin, trẻ lang thang ở khu vực di tích, phối hợp với các đơn vị an ninh và nhân dân địa phương phát hiện và xử lý kịp thời việc tổ chức các hoạt động cờ bạc nhắc nhở việc đặt hòm công đức đúng chỗ ở các điểm tín ngưỡng và hạn chế hoạt động chèo kéo, tạo môi trường không lành mạnh tại các di tích.

+ Do vậy việc tuyên truyền quảng bá nâng cao nhận thức về du lịch với cư dân địa phương nơi có di tích lịch sử văn hoá rất quan trọng. Hiểu được ý nghĩa của việc khai thác di tích lịch sử văn hoá cho hoạt động du lịch, họ mới có ý thức bảo vệ cảnh quan và tài nguyên du lịch. Đội ngũ lãnh đạo và cán bộ địa phương và ban quản lý di tích nên đưa thêm chương trình lịch sử địa lý của địa phương vào các trường học để nhấn mạnh hơn về tính lịch sử của di tích để phục vụ tốt hơn cho hoạt động du lịch.

- Kết hợp với công an để giảm bớt các thủ tục hành chính, nhất là đối với khách quốc tế. Bảo vệ an toàn cho khách khi đến tham quan, nghỉ dưỡng.

- Cơ quan thuế Nhà nước cần miễn giảm các khoản thuế và các thủ tục hành chính phiền hà.

- Cần có các quy định chặt chẽ đảm bảo vệ sinh môi trường.

4.2.2- Giải pháp đầu tư

4.2.2.1- Vốn đầu tư

Một trong những khó khăn hàng đầu mà du lịch Thủy Nguyên đang vướng mắc và khó giải quyết, đó là thu hút nguồn vốn để tiến hành các công việc sau :

- Tiến hành xây dựng quy hoạch tổng thể và chi tiết cho phát triển du lịch văn hóa huyện Thủy Nguyên;

- Công tác bảo tồn và tôn tạo các tài nguyên du lịch văn hóa;

- Xây dựng các cơ sở vật chất kỹ thuật và hạ tầng phục vụ du lịch;

- Công tác đào tạo và nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ lao động và quản lý du lịch của huyện;

- Công tác bảo vệ môi trường và thực hiện du lịch bền vững.

Đây là những công việc nếu thực hiện thành công sẽ tạo điều kiện thuận lợi và niềm tin cho các nhà đầu tư du lịch. Nhưng nó đòi hỏi có một nguồn vốn không nhỏ.

Để tạo nguồn vốn trong phát triển du lịch văn hóa, ngoài việc tranh thủ nguồn vốn ngân sách nhà nước, thành phố và một số bộ phận liên quan hỗ trợ đầu tư phát triển du lịch và hoạt động bảo tồn các di tích đã được xếp hạng cấp quốc gia ,còn có thể huy động vốn từ nhiều nguồn khác.

Huyện và thành phố cần có những chính sách mở đường khuyến khích các tổ chức và cá nhân tham gia vào hoạt động đầu tư, kinh doanh du lịch. Cần có những ưu tiên cho những đối tượng này trong việc vay vốn ngân hàng để đầu tư trong lĩnh vực xây dựng và kinh doanh các cơ sở lưu trú, ăn uống, nhà hàng, khách sạn.

Kêu gọi các tổ chức cá nhân đóng góp theo kiểu cổ phần. Các nhà đầu tư sẽ trở thành cổ đông trong dự án khi nó đưa vào hoạt động kinh doanh nhận lãi theo mức đóng góp.

Huy động vốn từ các nhà đầu tư nước ngoài và các nhà đầu tư trong nước bằng phương án “đổi đất lấy công trình”. Theo phương án này các nhà đầu tư sẽ dùng các công trình kinh doanh du lịch đổi lấy quyền sử dụng đất lâu dài để kinh doanh vào lĩnh vực họ mong muốn. Huyện cần có những phương án cải cách thủ tục hành chính trong việc sở hữu đất đai một cách nhanh chóng, tránh sự sách nhiễu đối với các nhà đầu tư.

Phương án huy động vốn từ chính hiệu quả kinh doanh du lịch : huyện cần dành một phần lợi nhuận thu được từ hoạt động kinh doanh du lịch vào tái đầu tư cho du lịch. Đây có lẽ là biện pháp huy động vốn sẽ mang lại hiệu quả tích cực và bền vững hơn cả. Vì vậy việc có những biện pháp đẩy mạnh kinh doanh quản lý du lịch trở nên cấp bách với huyện để làm sao du lịch có thể đứng trên đôi chân của mình.

4.2.2.2- Tích cực tôn tạo, tu bổ các di tích và phát triển tài nguyên du lịch văn hoá

4.2.2.2.1- Công việc chung của công tác bảo tồn và tôn tạo tài nguyên du lịch nhân văn

Tài nguyên du lịch nhân văn có vai trò quan trọng trong hệ thống lãnh thổ du lịch, là điều kiện tiên quyết cho hoạt động du lịch. Nếu được khai thác có quy hoạch tốt, có khoa học thì vừa đem lại hiệu quả kinh tế cao vừa có thể sử dụng hiệu quả kinh tế thu được quay lại đầu tư cho lĩnh vực bảo tồn và tôn tạo. Vậy việc bảo tồn và tôn tạo tài nguyên du lịch nhân văn với việc đem chúng ra khai thác phục vụ du lịch trong sự quy hoạch thận trọng có quan hệ tương hỗ nhau.

Do vậy, để khai thác có hiệu quả tài nguyên du lịch nhân văn thì công việc chung của công tác bảo tồn và tôn tạo là:

Kiểm kê toàn bộ tài nguyên du lịch nhân văn gồm các di tích lịch sử văn hóa, các phong tục tập quán, các lễ hội, các làng nghề truyền thống.

Đánh giá chung về mặt kiến trúc bằng cách đề nghị xếp hạng theo tiêu chuẩn quốc gia và thành phố.

Thực hiện các biện pháp cụ thể về bảo tồn và tôn tạo.

4.2.2.2.2- Đối với các di tích lịch sử văn hóa

Thường xuyên kiểm tra hiện trạng của các di tích và báo cáo với cấp quản lý có trách nhiệm liên quan.

Tiến hành tu sửa thường xuyên đối với các di tích bị xuống cấp. Trong quá trình này cần phải hết sức cẩn trọng, cần có sự tham khảo ý kiến của các chuyên gia đầu ngành trong lĩnh vực chuyên môn, tránh hiện tượng khi tu sửa làm mất đi những giá trị ban đầu của di tích.

Xây dựng các nhà trưng bày hiện vật, bổ sung di tích bằng nhiều hiện vật gốc, tài liệu phụ có giá trị lịch sử, nghệ thuật khoa học.

Nhanh chóng hoàn thiện quy hoạch chi tiết các di tích trong việc bảo tồn và tôn tạo chúng vì mục đích du lịch.

Tăng cường quỹ đất và khuôn viên cây xanh phù hợp để làm đẹp thêm cảnh quan và đảm bảo sức chứa các di tích về mặt quy mô.

Xử lý nghiêm minh các hành vi xâm hại đến khu di tích, các hành vi lấn chiếm đất đai trong khu di tích, hành vi trộm cắp đồ cổ.

4.2.2.2.3- Đối với các làng nghề truyền thống

Hiện nay trên địa bàn huyện có một số làng nghề hoạt động rất hiệu quả trong đó phải kể đến là làng nghề đúc (xã Mỹ Đông), nghề mây tre đan ở xã Chính Mỹ... Còn một số làng nghề khác còn gặp nhiều khó khăn do tác động của thị trường. Thực tế trên đã đặt ra cho huyện các yêu cầu sau:

- Huyện cần xác định rõ hệ thống các làng nghề trên địa bàn, tìm hiểu về lịch sử và sản phẩm của làng nghề nhằm bảo tồn và phát huy giá trị của làng nghề.

- Xác định đầu ra cho sản phẩm của các làng nghề một cách vững chắc. Đồng thời định hướng được nhu cầu của khách hàng về sản phẩm của làng nghề, giúp tìm chỗ đứng trên thị trường.

- Xác định thế mạnh và hạn chế của làng nghề. Từ đó tìm ra các biện pháp phát huy hết khả năng và thế mạnh, khắc phục những mặt hạn chế để hoàn thiện sản phẩm đáp ứng nhu cầu cao nhất của thị trường.

Việc khôi phục và bảo tồn cần được tiến hành qua nhiều bước với nhiều phương án khác nhau để đem lại hiệu quả tổng hợp và cao nhất cho mục tiêu bảo tồn. Quá trình bảo tồn và khôi phục làng nghề truyền thống là một quá trình cần nhiều thời gian, công sức tiền bạc, có rất nhiều khó khăn cần có sự kết hợp giữa chính quyền địa phương với các cấp các ngành của thành phố, các ban ngành có liên quan.

4.2.2.3- Đẩy mạnh việc xây dựng cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật cho các điểm du lịch

Thành phố Hải Phòng, cũng như Thủy Nguyên cần dành vốn đầu tư có hiệu quả, tạo môi trường kinh tế thuận lợi cho sự phát triển kinh tế nói chung và du lịch nói riêng trên địa bàn thành phố. Vấn đề quan trọng là cần đầu tư và nâng cấp các cơ sở hạ tầng vì điểm tham quan du lịch dù có hấp dẫn đến mấy nhưng cơ sở phục vụ du lịch yếu kém thì cũng không thu hút được nhiều khách.

Về mạng lưới giao thông: Cần nâng cấp dần các trục đường dẫn vào các khu di tích được thuận lợi, xây dựng các bến đỗ xe để phục vụ cho việc đi đến các di tích lịch sử văn hóa, các làng nghề được dễ hơn.

Hệ thống giao thông vận tải : cần được đầu tư hoàn thiện, đặc biệt là hệ thống đường liên thôn, liên xã là mạch nối các điểm tài nguyên quan trọng. Một số nơi bị xuống cấp nghiêm trọng, hơn nữa lại quá hẹp, không đủ khả năng tiếp nhận các loại xe du lịch lớn từ 35 đến 45 chỗ ngồi. Vì vậy thành phố cần kết hợp với huyện và các nhà đầu tư giúp đỡ các xã mở rộng hệ thống đường này để kịp thời đưa vào hoạt động du lịch.

Về thông tin liên lạc: hiện nay hệ thống thông tin liên lạc của huyện tương đối phát triển, đặc biệt với hệ thống điện thoại cố định. Tuy nhiên trong xu hướng phát triển mới của ngành công nghệ thông tin, đặc biệt sử dụng điện thoại và mạng internet ở huyện chưa phát triển mạnh, để bắt kịp với xu hướng phát triển chung, huyện nên khuyến khích và tác động các nhà cung cấp các dịch vụ di động tăng cường các trạm phủ sóng, cải thiện chất lượng phục vụ.

Hệ thống bưu điện : nhằm đáp ứng yêu cầu thông tin nhanh, chính xác kịp thời với sự phát triển của kinh tế xã hội, Bưu cục các quận huyện cần phải tăng cường hiện đại hoá hơn.

Hệ thống điện nước y tế: của huyện phát triển tương đối nhưng mới chỉ đáp ứng một phần nào sinh hoạt của nhân dân trong huyện. Để tạo điều kiện cho du lịch phát triển phải hoàn thiện và hiện đại hoá hệ thống này, đặc biệt là hệ thống nước sinh hoạt. Chất lượng nước còn thấp không đảm bảo vệ sinh an toàn và không đủ tiêu chuẩn và phục vụ cho du lịch. Vì vậy huyện nên coi vấn đề giải quyết nước sạch là vấn đề cấp bách hàng đầu. Tại các khu du lịch cũng như tại các xã cần xây dựng nhà máy xử lý nước thải sinh hoạt và sản xuất, tránh tình trạng thải nước vào các kênh mương, ao hồ gây ô nhiễm như hiện nay.

Về cơ sở lưu trú: để thu hút được nhiều khách du lịch và kéo dài thời gian lưu trú tại địa phương của họ, việc cấp bách hàng đầu của du lịch Thủy Nguyên là tăng cường hệ thống cơ sở lưu trú theo hướng:

- Sửa sang và nâng cấp các nhà nghỉ hiện có về quy mô và mức độ trang bị tiện nghi đầy đủ phục vụ khách du lịch nội địa và hướng đến phục vụ khách du lịch quốc tế.

- Kêu gọi các nhà đầu tư, xây dựng mới các khách sạn mới đủ tiêu chuẩn tại thị trấn của Thủy Nguyên. Các khách sạn phải dựa trên sở về sự quy hoạch khoa học về quy mô kiến trúc kiểu dáng hài hoà phải phù hợp với phát triển nhà ở của của vùng, tránh phá vỡ cảnh quan thiên nhiên.

Về cơ sở ăn uống: Những nhà hàng ăn uống hiện nay hầu hết ở thị trấn của huyện. Quy mô chất lượng chỉ đáp ứng được “tiêu chuẩn bình dân”. Vì vậy huyện cần có những biện pháp cụ thể sau:

- Kêu gọi các nhà đầu tư xây dựng tại các nhà hàng trọng điểm có công suất phòng phục vụ được nhiều người trong một lúc.

- Trong việc xây dựng nhà hàng nên chú trọng canh quan gần gũi với thiên nhiên, mang tính quê hương nhưng đồng thời phải đảm bảo tuyệt đối tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm.

- Xây dựng một số nhà hàng đặc sản với thực đơn phong phú, kết hợp với nghệ thuật ẩm thực của địa phương với một số nghệ thuật dân gian truyền thống .

- Đối với các địa phương cần phải tăng cường hơn nữa việc xây dựng cơ sở hạ tầng bằng những cách sau:

+ Cơ chế quản lý chính sách mềm mỏng ưu tiên cho các doanh nghiệp và nhân dân trong vùng đầu tư kinh doanh du lịch như ưu tiên thuế hoặc cho vay vốn với lãi suất thấp.

+ Có chính sách ưu đãi về đất đai như cấp đất mặt bằng cho doanh nghiệp kinh doanh và nhân dân địa phương có thể thuê với giá rẻ hoặc trong những tháng đầu không lấy tiền thuê.

+ Cuối cùng nhà nước phải cấp điện, nước sạch xây dựng cơ sở dịch vụ du lịch là hết sức cấp bách tại địa phương có di tích lịch sử văn hoá bởi vì chỉ khi nào cơ sở hạ tầng phát triển, cơ sở dịch vụ đáp ứng thì mới thu hút được đông đảo du khách đến với di tích lịch sử văn hoá.

4.2.3- Giải pháp tích cực đào tạo nguồn nhân lực

Giải pháp đào tạo đội ngũ hướng dẫn viên theo đoàn và tại các điểm du lịch có đủ năng lực và phẩm chất

Trong quá trình tổ chức tour du lịch thì dịch vụ hướng dẫn luôn đóng vai trò quan trọng. Du khách cần những thông tin được truyền đạt từ hướng dẫn viên một cách phong phú, với những hướng dẫn viên tư liệu mà họ thu

nap sẽ tạo hồn cho những lời giới thiệu, thuyết minh trước khách du lịch tạo sự hấp dẫn khách khi tham quan và tìm hiểu các di tích lịch sử văn hóa.

Với những HDV chuyên nghiệp tại các doanh nghiệp du lịch có thể tự bổ sung kiến thức nhưng cần có những lớp bồi dưỡng chuyên môn do các chuyên gia di tích đảm nhiệm. Để có được kiến thức khái lược, kiến thức “ngọn” trong quá trình hướng dẫn du lịch theo chương trình du lịch có nội dung tham quan nghiên cứu hành lễ tại các di tích lịch sử văn hóa tại Hải Phòng, Thủy Nguyên. Qua thực tế đội ngũ HDV chuyên nghiệp hiện nay, sự thiếu hụt tri thức lịch sử văn hóa địa lý của HDV sẽ làm giảm sức hấp dẫn của chuyến du lịch, song cũng cần phải có kế hoạch đào tạo HDV tại các di tích vì công việc đòi hỏi đội ngũ này phải có kiến thức về lịch sử văn hoá, kiến thức về di tích khá vững chắc để có thể giới thiệu cho những đối tượng khách khách nhau kể cả những khách có nhu cầu nghiên cứu chứ không phải chỉ tham quan.

HDV du lịch theo đoàn khách sẽ là người tiếp xúc gắn bó với mọi thành viên trong đoàn khách. Hải Phòng, Thủy Nguyên là mảnh đất giàu tài nguyên nhân văn bởi thế muốn phát triển tốt du lịch văn hóa của thành phố, của địa phương thì việc đào tạo HDV hiểu biết, thông thạo về văn hóa bản địa là vấn đề cấp thiết, HDV phải hội tụ những yếu tố sau:

Trình độ tinh thông nghiệp vụ hướng dẫn: HDV phải phục vụ đoàn khách, thông thạo các tuyến điểm du lịch, sự hiểu biết về văn hóa, lịch sử, nghệ thuật, am tường những thông tin về kinh tế chính trị, thời sự trong nước và quốc tế.

Trình độ thông thạo ngoại ngữ của HDV là chìa khóa mở những kho tàng kiến thức của nhân loại, là phương tiện truyền đạt thông tin đến với đoàn khách quốc tế.

Tinh thần và sự phục vụ khách hàng nhiệt tình là điều kiện tiên quyết cho sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp trong phạm vi hẹp và cho sự phát triển của ngành du lịch theo nghĩa rộng.

Như vậy, việc đào tạo đội ngũ HDV tại các di tích có vai trò quan trọng vì họ không chỉ phải có yêu cầu của HDV nói chung mà còn phải thông hiểu giá trị về nhiều mặt liên quan đến các di tích để phục vụ tốt cho công việc và đem lại chữ tín cho khách hàng, góp phần phát triển văn hóa Hải Phòng qua đó bảo vệ giá trị chân chính của di tích.

4.2.4- Tăng cường sự phối hợp giữa huyện Thủy Nguyên với các đơn vị lữ hành có uy tín, và với các địa phương lân cận

Huyện cần phối hợp với các doanh nghiệp lữ hành có uy tín không chỉ trong địa bàn Hải Phòng mà còn ở các tỉnh khác, giúp cho việc quảng bá về du lịch văn hóa của huyện ngày càng sâu rộng hơn, giúp cho khách du lịch được biết đến văn hóa của huyện nhiều hơn. Ví dụ như phối hợp cùng các doanh nghiệp du lịch tổ chức các tour du lịch văn hóa đặc sắc của Thủy Nguyên như tuyến du lịch dọc các sông quanh huyện bằng đường thủy, tuyến liên vận thủy bộ, các tuyến chuyên đề văn hoá, các tuyến kết hợp tự nhiên văn hoá vv...

Du lịch văn hóa Thủy Nguyên là bộ phận quan trọng để cấu thành nên du lịch văn hóa Hải phòng. Tuy nhiên du lịch văn hóa Thủy Nguyên và vùng phụ cận tuy có tiềm năng phát triển nhưng lại thiếu sự hỗ trợ và đầu tư tương ứng, vì vậy dẫn đến tình trạng phát triển trì trệ của các địa phương này. Các địa phương cần có sự phối hợp chặt chẽ trong việc khai thác sử dụng tài nguyên du lịch nhân văn và trao đổi học hỏi kinh nghiệm.

Một số biện pháp nhằm tăng cường hiệu quả trong việc phối kết hợp giữa du lịch văn hóa Thủy Nguyên với các địa phương khác:

- Cần có sự liên kết trong việc sử dụng nguồn tài nguyên du lịch nhân văn giữa Thủy nguyên và địa phương bạn. Nên hình thành những chuyến du lịch hấp dẫn nhất của địa phương mình. Huyện cần có những biện pháp phối hợp với các tỉnh bạn như : Quảng Ninh, Hải Dương...để phát triển những tuyến du lịch.

Trong vấn đề này, Ủy ban nhân dân huyện Thủy Nguyên cùng Sở Văn hoá Thể thao và Du lịch Hải Phòng cần phải tích cực vào cuộc, tổ chức hội thảo du lịch chuyên đề, liên hệ với tỉnh, huyện lân cận, nhất là các Sở, Phòng Văn hoá Thể thao và Du lịch các địa phương cần tạo mối quan hệ chẽ và thường xuyên.

Cần có sự phối hợp chặt chẽ, giúp đỡ trong công tác tổ chức quảng cáo tuyên truyền, thu hút khách du lịch và kêu gọi đầu tư.

4.2.5- Giải pháp đẩy mạnh tuyên truyền quảng bá du lịch

- Nâng cao nhận thức các doanh nghiệp và các cơ quan, đơn vị trong huyện về việc tuyên truyền quảng bá cho du lịch đến các di tích lịch sử văn hoá.

- Tăng cường quảng bá trên đài truyền hình và các tạp chí, báo mạng, thông tin ra nước ngoài. Xây dựng chuyên mục trên đài truyền hình Hải Phòng và đài truyền hình trung ương giới thiệu về các di tích lịch sử văn hoá của địa phương.

- Biên soạn và phát hành các ấn phẩm về du lịch Thủy Nguyên để giới thiệu về con người và tài nguyên du lịch nhân văn và tự nhiên của địa phương với các thông tin cụ thể về các điểm lưu trú, hệ thống các điểm thăm quan du lịch, các địa điểm vui chơi giải trí, các văn phòng tư vấn và thông tin du lịch Có thể phối hợp với ngành giao thông vận tải để cung cấp miễn phí trên các lộ trình đến với Thủy Nguyên, những tài liệu chỉ dẫn và thông tin sơ lược liên quan đến địa phương.

- Xúc tiến việc xây dựng và phát triển rộng rãi các loại phim ảnh, đĩa CD...bao gồm các tài liệu du lịch như lịch sử các công trình kiến trúc, các di tích, các danh lam thắng cảnh, các làng nghề truyền thống, các lễ hội truyền thống ...để giới thiệu với du khách trong nước và quốc tế. Những thông tin này rất bổ ích cho du khách mà còn cần thiết cho nhà đầu tư, các nhà nghiên cứu nước ngoài muốn nghiên cứu về huyện.

- Tận dụng các cơ hội thuận lợi để tham ra hội nghị hội thảo, hội chợ quốc tế để có điều kiện tiếp thị, tuyên truyền, quảng bá cho du lịch Thủy

Nguyên. Nếu có điều kiện thuận lợi có thể mở văn phòng thông tin tại các thị trường du lịch lớn như: Trung Quốc, Châu Âu, Châu Mỹ để thực hiện chức năng du lịch lữ hành và xúc tiến việc tiếp thị đến các di tích lịch sử văn hoá được nhanh và hiệu quả.

Đẩy mạnh hoạt động Marketing vào việc quảng bá cho du lịch thăm quan, nghiên cứu các di tích lịch sử văn hoá tạo đà phát triển cho toàn ngành du lịch. Trên những cơ sở đó chúng ta khẳng định rằng du lịch Thủy Nguyên trong những năm sẽ đạt mức tăng trưởng cao hơn, xứng tầm là một cụm du lịch quan trọng của Hải Phòng.

KẾT LUẬN

Từ các phần đã trình bày ở trên có thể đi tới một số kết luận sau:

1- Du lịch ngày nay đã trở thành một nhu cầu không thể thiếu được đối với nhân dân hầu hết các nước trên thế giới. Vai trò của du lịch ngày càng trở nên quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của nhiều quốc gia. Những năm gần đây, Du lịch văn hoá đã được coi là công cụ ưu tiên lựa chọn đối với công cuộc xoá đói giảm nghèo của các nước đang phát triển.

2- Thủy Nguyên là một trong những huyện giàu tài nguyên du lịch nhân văn bậc nhất ở Hải Phòng. Tuy nhiên, hiện nay sự phát triển của du lịch và du lịch văn hoá ở Thủy Nguyên còn rất hạn chế, chưa xứng đáng với tiềm năng.

3- Để đáp ứng yêu cầu đẩy mạnh công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, quyết tâm xây dựng Thủy Nguyên trở thành một trong 3 cụm du lịch quan trọng nhất của thành phố Hải Phòng chỉ sau Cát Bà và Đồ Sơn, trong thời gian tới cần thiết phải ưu tiên thực hiện đồng bộ một số giải pháp chính như sau:

- Giải pháp quản lý;
- Giải pháp đầu tư;
- Giải pháp tích cực đào tạo nguồn nhân lực;
- Giải pháp tăng cường sự phối hợp giữa huyện Thủy Nguyên với các đơn vị lân cận có uy tín và với các địa phương lân cận;

Giải pháp đẩy mạnh tuyên truyền, quảng bá du lịch./.

LỜI CẢM ƠN

Nhân dịp Khóa luận hoàn thành và đưa ra bảo vệ, em xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc đối với các thầy cô trong khoa Văn hóa Du lịch trường Đại học Dân lập Hải Phòng, đặc biệt tới thầy Nguyễn Thanh Sơn - người đã tận tình chỉ dẫn và giúp đỡ em trong quá trình thực hiện đề tài khóa luận này.

Em cũng xin chân thành cảm ơn Sở Văn hóa - Thể thao - Du lịch Hải Phòng, Ủy ban nhân dân huyện Thủy Nguyên, Thư viện trường Đại học Dân Lập Hải Phòng... đã tạo điều kiện thuận lợi cho em trong quá trình khảo sát và khai thác tư liệu liên quan đến đề tài Khóa luận.

Tuy nhiên, do kiến thức và kinh nghiệm còn hạn chế, những khiếm khuyết trong Khóa luận này là không thể tránh khỏi. Em rất mong tiếp tục nhận được sự chỉ dẫn của các thầy cô và sự góp ý của các bạn đồng nghiệp để cho Khóa luận được hoàn chỉnh hơn.

Em xin chân thành cảm ơn.

Hải Phòng, ngày tháng năm 2010

Trịnh Thị Giang

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
1- Lý do chọn đề tài.....	1
2- Mục đích nghiên cứu.....	2
3- Nhiệm vụ của đề tài.....	2
4- Phạm vi nghiên cứu.....	3
5- Phương pháp nghiên cứu.....	3
6- Bố cục của Khóa luận.....	3
 CHƯƠNG I : MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ TÀI NGUYÊN DU LỊCH NHÂN VĂN VÀ XU HƯỚNG PHÁT TRIỂN DU LỊCH HIỆN NAY	
1.1- Tài nguyên du lịch	4
1.1.1- Khái niệm về tài nguyên du lịch.....	4
1.1.2 – Đặc điểm của tài nguyên du lịch.....	4
1.2- Tài nguyên du lịch nhân văn	5
<i>1.2.1- Khái niệm về tài nguyên du lịch nhân văn</i>	5
<i>1.2.2- Đặc điểm của tài nguyên du lịch nhân văn</i>	6
<i>1.2.3- Phân loại tài nguyên du lịch nhân văn</i>	6
1.2.3.1- Tài nguyên du lịch nhân văn vật thể.....	6
1.2.3.1.1- Di sản văn hóa thế giới.....	6
1.2.3.1.2- Các di tích lịch sử văn hóa.....	7
1.2.3.2- Tài nguyên du lịch nhân văn phi vật thể.....	9
1.2.3.2.1- Lễ hội.....	9
1.2.3.2.2- Nghề và làng nghề thủ công truyền thống.....	9
1.3- Xu hướng phát triển du lịch hiện nay	10
<i>1.3.1- Khái niệm du lịch</i>	10
<i>1.3.2- Mối quan hệ của du lịch đối với các lĩnh vực khác</i>	12
1.3.2.1- Mối quan hệ giữa du lịch và xã hội.....	11
1.3.2.2- Mối quan hệ giữa du lịch và văn hóa.....	12
1.3.2.3- Mối quan hệ giữa du lịch và môi trường.....	13
1.3.2.4- Mối quan hệ giữa du lịch và kinh tế.....	14

1.3.2.5- Mối quan hệ giữa du lịch và hòa bình chính trị.....	15
1.3.3- Xu hướng phát triển du lịch hiện nay.....	16
1.3.3.1- Gia tăng nhanh chóng về mặt số lượng.....	16
1.3.3.2- Xã hội hóa thành phần du khách.....	16
1.3.3.3- Mở rộng địa bàn du lịch.....	16
1.3.3.4- Kéo dài thời vụ du lịch.....	16
1.3.3.5- Xu hướng phát triển du lịch văn hoá.....	17
Tiểu kết Chương	
I.....	17
CHƯƠNG II : TIỀM NĂNG PHÁT TRIỂN DU LỊCH NHÂN VĂN Ở HUYỆN THỦY NGUYÊN	
2.1- Khái quát về huyện Thủy Nguyên.....	19
2.1.1- Điều kiện tự nhiên.....	19
2.2.1.1- Vị trí địa lý.....	19
2.2.1.2- Khí hậu.....	19
2.2.1.3 -Địa hình.....	21
2.2.1.4 - Thủy văn.....	21
2.1.2- Lịch sử.....	21
2.1.3- Điều kiện kinh tế - xã hội.....	23
2.2.2.1- Dân cư.....	23
2.2.2.2- Kinh tế - xã hội.....	24
2.2- Tài nguyên du lịch nhân văn huyện Thủy Nguyên.....	28
2.2.1- Di tích lịch sử văn hóa	28
2.2.2- Các lễ hội.....	40
2.2.3- Nghề và làng nghề thủ công	41

2.2.4- Văn hoá nghệ thuật cổ truyền.....	43
2.2.5- Công trình đương đại.....	45
2.2.6- Đánh giá tài nguyên nhân văn ở huyện Thủy Nguyên.....	46
Tiểu kết Chương II.....	48
CHƯƠNG III : TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN DU LỊCH VÀ DU LỊCH VĂN HOÁ Ở HUYỆN THỦY NGUYÊN, HẢI PHÒNG	
3.1- Hoạt động du lịch của huyện trong thời gian qua.....	49
3.1.1- Tình hình chung.....	49
3.1.2- Lượng khách và doanh thu du lịch	49
3.1.3- Cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch.....	51
3.2- Tình hình phát triển du lịch văn hoá của huyện trong thời gian qua.....	51
3.2.1- Tình hình chung.....	51
3.2.2- Nhận xét về nguyên nhân tồn tại.....	52
Tiểu kết Chương III.....	53
CHƯƠNG IV : MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM ĐẨY MẠNH SỰ PHÁT TRIỂN DU LỊCH VĂN HOÁ Ở HUYỆN THỦY NGUYÊN TRONG THỜI GIAN TỚI.....	
4.1- Định hướng phát triển du lịch và du lịch văn hoá ở huyện Thủy Nguyên đến năm 2020.....	54
4.2- Một số giải pháp nhằm đẩy mạnh sự phát triển du lịch văn hoá ở huyện Thủy Nguyên trong thời gian tới.....	55
4.2.1- Giải pháp quản lý	55
4.2.2- Giải pháp đầu tư	57
4.2.3- Giải pháp tích cực đào tạo nguồn nhân lực.....	62
4.2.4- Tăng cường sự phối hợp giữa huyện Thủy Nguyên với các đơn vị lữ hành có uy tín, và với các địa phương lân cận.....	63

4.2.5- Giải pháp đẩy mạnh tuyên truyền quảng bá du lịch..... 64

KẾT LUẬN..... 66

TÀI LIỆU THAM KHẢO

PHỤ LỤC

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- 1- Hội đồng Lịch sử thành phố Hải Phòng, 1990.** Địa chí Hải Phòng. NXB. Hải Phòng.
- 2- Hội Liên hiệp Nghệ thuật dân gian Hải Phòng, 1997.** Văn hóa nghệ thuật dân gian Hải Phòng. NXB. Hải Phòng.
- 3- Quốc hội Nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam, 2005.** Luật Du lịch. NXB. Tư pháp
- 4- Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch Hải Phòng, 2010.** Báo cáo tổng kết ngành Du lịch Hải Phòng năm 2009, mục tiêu nhiệm vụ chủ yếu năm 2010.
- 5- Trần Đức Thanh, 1999.** Nhập môn khoa học du lịch. NXB. ĐHQG Hà Nội.
- 6- Đinh Tiếp, 1987.** Hát Đúm Hải Phòng. NXB. Hải Phòng.
- 7- Nguyễn Minh Tuệ và nhóm tác giả, 1997.** Địa lý Du lịch. NXB. Tp. Hồ Chí Minh
- 8- Trung tâm khoa học xã hội và nhân văn Hải Phòng, 2001-2002.** Một số di sản văn hóa tiêu biểu của Hải Phòng; Tập I, II. NXB. Hải Phòng.
- 9- Ủy ban nhân dân huyện Thủy Nguyên, 1989.** Đất và người Thủy Nguyên. NXB. Hải Phòng.

- 10- Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng, 8/2006.** Báo cáo tổng hợp rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch tổng thể phát triển du lịch thành phố Hải Phòng thời kỳ 2006 – 2010 và định hướng đến 2020.
- 11- Bùi Thị Hải Yến, 2006.** Quy hoạch du lịch và Tuyên điểm du lịch Việt Nam. NXB. Giáo dục.
- 12- www.thuynguyen.com.vn**
- 13 - www.vietnamtourism.com.**

PHỤ LỤC

Phụ lục 1:

Bảng : DI TÍCH LỊCH SỬ VĂN HÓA THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

(Số liệu tính đến 20/4/2005)

STT	Huyện, quận, thị xã	Cấp xếp hạng		Phân theo loại hình				Tổng số
		Thành phố	Quốc gia	Kiến trúc, nghệ thuật	Lịch sử, văn hóa	Cách mạng, kháng chiến	Danh thắng	
1	Huyện An Lão	25	3	1	10	16	1	28
2	Huyện An Dương	5	10	10	5	-	-	15
3	Huyện Tiên Lãng	13	4	1	13	3	-	17
4	Huyện Kiến Thụy	18	10	-	23	5	-	28
5	Huyện Thủy Nguyên	17	23	3	31	4	2	40
6	Huyện Vĩnh Bảo	18	20	10	24	4	-	38
7	Huyện Cát Hải	5	-	-	5	-	-	5
8	Quận Kiến An	8	2	-	7	3	-	10
9	Quận Hồng Bàng	8	2	-	6	4	-	10
10	Quận Lê Chân	3	8	6	2	3	-	11
11	Quận Ngô Quyền	6	3	2	2	5	-	9
12	Quận Hải An	4	11	8	3	4	-	15
13	Thị xã Đồ Sơn	7	-	1	3	3	-	7
Tổng cộng		137	96	42	134	54	3	233

Nguồn : Sở Văn hóa Thông tin Hải Phòng

Phụ lục 2:

**Bảng 2: HỆ THỐNG SỐ LIỆU VỀ CÁC LÀNG NGHỀ
TRUYỀN THỐNG**

STT	Địa điểm	Nghề truyền thống	Ghi chú
1	Xã Hoàng Động	Đánh bắt thủy sản	
2	Xã Phù Ninh	Thêu ren	
3	Xã An Sơn	Sản xuất nông nghiệp	
		Khai thác vật liệu xây dựng	
4	Xã Lập Lễ	Nuôi trồng thủy sản	
5	Xã Lâm Động	Đệt vải	
		Nghề rèn	
		Nghề mộc	
6	Xã Hoa Động	Nghề rèn	
7	Xã Chính Mỹ	Đan mây tre	
8	Xã Lại Xuân	Khai thác đá vôi	
9	Xã Minh Đức	Khai thác đá vôi	
10	Xã Thiên Hương	Nghề đúc	
		Làm bún	
11	Xã Phả Lễ	Mộc dân dụng	
		Khai thác thủy sản	
12	Xã Tam Hưng	Trồng trọt	
		Chăn nuôi	
		Đánh bắt thủy sản	
13	Xã Mỹ Đồng	Đúc kim loại	

Nguồn: Phòng Văn hoá Thông tin Thể thao và Du lịch, Thủy Nguyên

Phụ lục 3: Một số ảnh về Thủy Nguyên



Ảnh 1- Chùa Mỹ Cự



Ảnh 2- Đền thờ Trạng nguyên Lê Ích Mộc



Ảnh 3- Đền thờ Trần Quốc Bảo



Ảnh 4- Đền An Lư



Ảnh 5- Đình Kiền Bái



Ảnh 6- Hát Đúm



Ảnh 7- Chùa Lâm Động



Ảnh 8- Ban thờ Tổ chùa Lô Động



Ảnh 9- Đình Trịnh Xá